

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **222/2020/HSST**

Ngày 17/8/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Tú

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

2. Bà Bùi Thị Phương Thảo.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Nữ Hoàng Yến - Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:* Ông Hà Văn Cường; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 213/2020/HSST ngày 14/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2020/QĐXXST-HS ngày 31/7/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Mạnh C; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 03 tháng 7 năm 1988; Tại: Thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Số 61/96 Chợ H, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Con ông: Lê Xuân H, Sinh năm 1957. Con bà: Lê Thị Kim H, sinh năm: 1962. Hiện trú tại: Số 61/96 Chợ H, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng. Gia đình bị cáo có 02 chị em. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo có chị là Lê Thị Thu Phương T. Bị cáo có vợ là Đỗ Thị H, sinh năm 1988, hiện không xác định được nơi ở. Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2012, hiện đều trú tại: Số 61/96 Chợ H, phường D, quận L,

thành phố Hải Phòng. Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Xuân Q**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 01 tháng 12 năm 1994; Tại: Thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Con ông: Phạm Văn C, sinh năm: 1968. Con bà: Đào Thị Bích N, sinh năm: 1972. Hiện trú tại: Tổ dân phố T, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; Gia đình bị cáo có 02 chị em. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo có chị là Phạm Thị T. Bị cáo có vợ là Vũ Thị Thu H, sinh năm 1994 và có 01 con, sinh năm 2016. Hiện đều trú tại: Tổ dân phố T, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đỗ Văn D**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 12 tháng 7 năm 1998; Tại: Thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Con ông: Đỗ Văn H, sinh năm: 1966. Con bà: Đỗ Thị T, sinh năm: 1970. Hiện trú tại: Tổ dân phố T, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Đỗ Văn S**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 14 tháng 11 năm 1994; Tại: Thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Con ông: Đỗ Văn D, sinh năm: 1974. Con bà: Đỗ Thị L, sinh năm: 1974. Hiện trú tại: Tổ dân phố T, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; Gia đình bị cáo có 02 anh em. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo có em là Đỗ Cường. Bị cáo chưa có vợ con. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Đinh Thị Mai L; Sinh năm 1980, trú tại: Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

2. Bà Vũ Thị H; sinh năm 1979, trú tại: 118/64 Y N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

3. Ông Phạm Minh S; sinh năm 1970, trú tại: 11 Ngô Tất T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)
4. Bà Trần Thị Ngọc A; sinh năm 1974, trú tại: 620/06 đường Hùng V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
5. Bà Quách Thị Y; sinh năm 1962, trú tại: 194/8 Nguyễn Lương B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
6. Ông Trần Nhật L; sinh năm 1984, trú tại: Thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
7. Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1970, trú tại: 54/02 Phạm Ngũ L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
8. Bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1084, trú tại: 258/10 Nguyễn Lương B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
9. Bà Hà Thị Thu H, sinh năm 1981, trú tại: 610 Lê D, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
10. Bà Phạm Thị Ngọc G, sinh năm 1978, trú tại: 209/17 Quang T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
11. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1991, trú tại: 59/03 Nguyễn D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
12. Ông Đoàn Quân T, sinh năm 1990, trú tại: 81A Y Ni K, phường Tp, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
13. Bà Nguyễn Thị Hồng T; sinh năm 1968, trú tại: 114 Phan Chu T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
14. Bà Trần Thị T; Sinh năm 1956, trú tại: 48/18B Hùng V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
15. Bà Phạm Thị Thu S; sinh năm 1965, trú tại: 28A Nguyễn Huy T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
16. Bà Nguyễn Thị Kim V; Sinh năm 1969, trú tại: 60 Đinh Tiên H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
17. Bà Nguyễn Thị Minh L; sinh năm 1980, trú tại: 296/20/11 Lê D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
18. Bà Xa Thị S; Sinh năm 1979; trú tại: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

19. Bà Lã Thị Ái K; Sinh năm 1978, trú tại: 44/3/39A Đinh N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
20. Ông Cao Thanh P; sinh năm 1962, trú tại: 159 Lê Hồng P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
21. Bà Đinh Thị Đ; sinh năm 1976, trú tại: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
22. Chị Lương Thị Bích V; sinh năm 1991, trú tại: 172 Y N, tổ dân phố 7, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
23. Bà Trần Thị Kim H; Sinh năm 1971, trú tại: 69/05 Nguyễn Công T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
24. Anh Nguyễn Nhật N; sinh năm 1989, trú tại: 671 Phạm Văn Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
25. Bà Nguyễn Lê H; Sinh năm 1974, trú tại: 50 Hồ Tùng M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
26. Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1990, trú tại: 131 Trần Quý C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
27. Ông Nguyễn Quang V; Sinh năm 1964, trú tại: 82/04 AMa K, TDP 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
28. Anh Dương Văn H; Sinh năm 1986, trú tại: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
29. Chị Phạm Thị Thu N; sinh năm 1989, trú tại: 105/68/03 Lê Hồng P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
30. Bà Phạm Thị Ngọc A; Sinh năm 1959, trú tại: 185/06 Đinh Tiên H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
31. Anh Lý Thanh V; Sinh năm 1985, trú tại: 113/44/48A Nguyễn Cơ T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
32. Chị H' T Êban; Sinh năm 1982; trú tại: Thôn 7, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
33. Chị Phạm Thị Thanh T; sinh năm 1987, trú tại: Tổ dân phố 13, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
34. Bà Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1959; Địa chỉ: 129/29 Lê Hồng P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

35. Chị Lê Thị Kim P; sinh năm 1989, trú tại: 19 Tổ H, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
36. Ông Nguyễn Phi L; sinh năm 1973, trú tại: 337/16/37 Võ Văn K, TDP 12, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
37. Bà Trần Thị H; sinh năm 1968, trú tại: 149 Đinh Tiên H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
38. Bà Nguyễn Thị Thu C; sinh năm 1968, trú tại: 496/66/17 Võ Văn K, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
39. Bà Lương Thị H; sinh năm 1962, trú tại: 86 Hai Bà T, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
40. Bà Thái Thị Thu H; sinh năm 1971, trú tại: 267/07 Nguyễn Văn C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
41. Bà Hoàng Thúy N; sinh năm 1979, trú tại: Hẻm 610 Hùng V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
42. Chị Lê Vũ Thùy T; sinh năm 1990, trú tại: 40A Tổ H, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
43. Anh Vương Trần Nhã T; sinh năm 1979, trú tại: 48/18 Hùng V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
44. Anh Trần Đông H; sinh năm 1980, trú tại: 03 Phan Huy C, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
45. Anh Huỳnh Minh T; Sinh năm 1977, trú tại: 153/39 Phan Chu T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
46. Bà Đặng Thị N; Sinh năm 1970, trú tại: Liên gia 17, Tổ dân phố 2, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
47. Anh Lê Văn M; sinh năm 1989, trú tại: 360/18 Hoàng D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
48. Bà Dương Thị T; sinh năm 1957, trú tại: 71 Lý Thường K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
49. Anh Nguyễn T; sinh năm 1980, trú tại: 337/16/30 Võ Văn K, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
50. Chị Phún Thị Kim A; sinh năm 1989, trú tại: Hẻm 012/11/1 Nguyễn Thị Đ, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

51. Ông Trương Khánh T; sinh năm 1972, trú tại: Liên gia 7, tổ dân phố 2, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
52. Bà H' D Niê; sinh năm 1960, trú tại: Hẻm 81A YNi K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
53. Chị Lâm Thị H; sinh năm 1990, trú tại: 360/11 Hoàng D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
54. Chị H' N Knul; sinh năm 1987, trú tại: 46 Yni K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
55. Bà Trần Thị Ngọc D; sinh năm 1972, trú tại: Tổ dân phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
56. Bà Trần Thị L; sinh năm 1967, trú tại: 54/03 Đặng Văn N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
57. Bà Phan Thị A; sinh năm 1967, trú tại: Hẻm 118/39 Y N, TDP 7, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
58. Anh Nguyễn Hoàng Như L; sinh năm 1975, trú tại: 163 Phan Chu T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
59. Bà Nguyễn Thị V; sinh năm 1966, trú tại: Liên gia 7, TDP 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
60. Chị Phạm Thị Ngọc Y; sinh năm 1986, trú tại: 08/3 đường Vành đai phía T, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
61. Chị Trần Thị Bích T; sinh năm 1984, trú tại: 18/06 Giải P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
62. Chị Nguyễn Thị Ngọc H; sinh năm 1994, trú tại: 36 Y O, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
63. Ông Nguyễn Thanh H; sinh năm 1949, trú tại: 43 AMa K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
64. Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1978, trú tại: 25/05 Đinh Công T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
65. Chị Tô Thị Phương T; sinh năm 1998, trú tại: 54/03 Đặng Văn N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)
66. Anh Lê Văn T; sinh năm 1991, trú tại: 215/99 Võ Văn K, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

67. Bà Lê Thị T; sinh năm 1981, trú tại: 78/18/02 Đình N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

68. Bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1955, trú tại: 129/47 Lê Hồng P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

69. Bà Ngô Thị Thu T; sinh năm 1968, trú tại: 40 Lê Thị R, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

70. Bà Nguyễn Thị Thu T; sinh năm 1972, trú tại: 63/36/383 Nguyễn Văn C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

71. Bà Huỳnh Ngọc H; sinh năm 1961, trú tại: 233/9 Xô Viết Nghệ T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

72. Anh Phạm Nguyễn Ngọc S; sinh năm 1994, trú tại: 60 Đình Tiên H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

73. Ông Nguyễn Đức P; sinh năm 1977, trú tại: 18/04 Giải P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

74. Bà Lê Thị P, sinh năm 1973, trú tại: 173/20 Y W, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

75. Ông Lê Xuân H; sinh năm 1957. Trú tại: 61/96 Chợ H, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; (Vắng mặt)

76. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1970. Trú tại: Tổ dân phố T, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; (Vắng mặt)

77. Nguyễn Thị L; sinh năm 1987, trú tại: 132 Hùng V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

78. Nông Phúc T; sinh năm 2001, trú tại: Phòng trọ số 16, dãy trọ 134/5 Hùng V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

79. Đỗ Việt T; sinh năm 1950, trú tại: 111 Hùng V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

80. Trương Thị Hồng L; sinh năm 1969, trú tại 02 H Ama Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

81. Phạm Hải N; sinh năm 1991, trú tại: Thôn Quỳnh N, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

82. Nguyễn Văn L; sinh năm 1991, trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do ham lợi và muốn có tiền tiêu xài nên Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn D, Đỗ Văn S đã cho người khác vay tiền góp với lãi nặng, cụ thể như sau: Vào tháng 7/2018, Lê Mạnh C từ thành phố Hải Phòng đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và thuê nhà số 130 đường Hùng V, phường T để kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô cùng bạn là Phạm Hải N (sinh năm 1991, trú tại: Thôn Quỳnh N, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk). Đến đầu năm 2019, do kinh doanh không hiệu quả nên C chuyển sang hoạt động cho vay tiền góp theo ngày với lãi nặng còn N không tham gia làm cùng C nữa. Để tiến hành hoạt động cho vay tiền lãi nặng, lúc đầu, C thuê T và D1 (chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) giúp C thu tiền. Sau đó, T và D1 làm được 02 tháng thì nghỉ. Đến tháng 3/2019, C thuê Đỗ Văn S, Phạm Xuân Q và đến ngày 06/10/2019 thuê Đỗ Văn D vào làm cho C. Khi vào làm, C chỉ cách thu tiền gốc, tiền lãi cho S, Q, D; cung cấp phương tiện đi lại, nơi ăn ở, cho tiền chi phí đi lại, sinh hoạt hàng ngày và trả tiền công cho S, Q là 7.000.000đồng/01tháng/01người còn trả cho D số tiền 5.000.000đồng/01 tháng. Người vay đến đóng tiền trực tiếp tại số 130 đường Hùng V, phường T, thành phố B thì C thu tiền hoặc những lúc C bận thì S, Q hoặc D thu tiền. Nếu có người vay không đến đóng tiền thì C lập danh sách đưa cho S, Q, D hàng ngày sử dụng chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, biển số: 48D1 – 261.85 và xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, biển số 47L1 – 244.96 đi thu tiền rồi sau đó đưa lại cho C để C ghi thông tin vào Giấy thu tiền. Người nào chậm trả sẽ bị C, S, Q và D gọi điện thoại hoặc đến nhà thúc ép trả nợ, số tiền chậm trả không tính thêm lãi mà sẽ cộng dồn vào các ngày tiếp theo. Thịnh thoảng, S, Q và D đến các khu vực đông dân cư phát tán tờ rơi cho vay tiền lãi suất thấp.

Thực hiện việc cho vay tiền lãi nặng, Lê Mạnh C cùng đồng bọn in số điện thoại số 0931187366 trên tờ rơi với nội dung cho vay tiền với thủ tục nhanh gọn, không cần thế chấp tài sản rồi Phạm Xuân Q, Đỗ Văn D và Đỗ Văn S đi phát hoặc dán ở những nơi đông người qua lại. Khi những người có nhu cầu vay tiền sẽ liên lạc qua số điện thoại trên gặp C để thỏa thuận việc cho vay tiền, số tiền thực nhận, số tiền góp hàng ngày và số ngày trả góp. Nếu người vay tiền đồng ý thì phải để lại một trong các giấy tờ như Giấy phép lái xe, Thẻ học sinh, sinh viên, Sổ hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân, Giấy khai sinh... Sau đó, C yêu cầu Q, D hoặc S đến nhà người vay để kiểm tra điều kiện, hoàn cảnh về nhà ở, tài sản của người vay nếu có đủ điều kiện thì báo lại để C cho vay tiền. C là người trực tiếp thỏa thuận với

người vay về số tiền cho vay, lãi suất, hình thức trả nợ là trả góp tiền gốc và lãi theo ngày với thời hạn trả nợ nhất định tùy theo từng khoản vay. Để trốn tránh việc bị Cơ quan chức năng phát hiện và xử lý về hành vi cho vay lãi nặng, C sử dụng mẫu giấy đã soạn sẵn với tiêu đề Giấy vay tiền mặt, trên hợp đồng thể hiện họ tên người vay, ngày vay, số tiền vay, người vay phải tự điền thông tin về họ tên, tổng số tiền vay cả gốc và lãi (không ghi lãi suất cụ thể) và ký tên. Đa số, C cho vay trong khoản thời gian 40 ngày, có một số ít là 30 ngày và áp dụng cách tính tiền gốc và lãi suất như sau: Vay số tiền 1.000.000đồng trong thời gian 40 ngày thì 01 ngày phải trả tiền gốc là 33.333đồng, tiền lãi là 6.667đồng, tương ứng lãi suất là 243%/năm.

Từ tháng 09/2019 đến ngày 16/12/2019, Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn D và Đỗ Văn S đã cho 74 người tại các xã, phường trên địa bàn thành phố B vay tiền với 92 lượt vay, với mức lãi suất từ 182,5% đến 521,429%/01năm (gấp 9,125 đến 26,07 lần so với lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà nhà nước quy định). Có người vay nhiều gói vay khác nhau, nếu ai không có tiền trả nợ đúng thời hạn đã thỏa thuận, muốn đáo hạn để vay gói mới thì C sẽ lấy số tiền gốc của khoản vay sau trừ tiền gốc và lãi của gói vay trước. Nội dung C, Q, D và S cho trường hợp người dân vay tiền lãi nặng, cụ thể như sau:

Người vay thứ 1: Ngày 17/9/2019, cho chị **Trần Thị Ngọc A** (sinh năm 1974, trú tại: 620/06 đường Hùng V, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000đồng, tiền lãi là 25.000đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị Ngọc A đã đóng tiền được 35 ngày với tổng số tiền là 5.250.000đồng, trong đó tiền gốc là 4.375.000đồng, tiền lãi là 875.000đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 95.883đồng, tiền C thu lợi bất chính là **779.118** đồng). Số tiền gốc chị Ngọc A còn nợ chưa trả là **625.000**đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị Ngọc A: 01 sổ Hộ khẩu số L-615 mang tên Phạm Thị T.

Người vay thứ 2: Ngày 11/10/2019, cho bà **Nguyễn Thị T** (sinh năm 1959, trú tại: 129/29 Lê Hồng P, phường T, thành phố B) vay số tiền 4.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 100.000 đồng, tiền lãi là 20.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà T đã đóng tiền được 20 ngày với tổng số tiền là 2.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng (lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 43.832 đồng, tiền C thu lợi bất chính là **356.168** đồng). Số tiền gốc bà T còn nợ chưa trả là **2.000.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà T: 01 Thẻ hội viên số 02753 mang tên Nguyễn Thị T.

Người vay thứ 3: Ngày 12/10/2019, cho bà **Quách Thị Y** (sinh năm 1962, trú tại: 194/8 Nguyễn Lương B, xã H, thành phố B) vay số tiền 7.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 175.000 đồng, tiền lãi là 35.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị Y đã đóng tiền được 32 ngày với tổng số tiền là 6.720.000 đồng, trong đó tiền gốc là 5.600.000 đồng, tiền lãi là 1.120.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 122.730 đồng, tiền C thu lợi bất chính là **997.270** đồng). Số tiền gốc bà Y còn nợ chưa trả là **1.400.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà Y: 01 Hộ chiếu số B7304925 mang tên Quách Thị Y.

Người vay thứ 4: Ngày 11/10/2019, cho chị **Lê Thị P** (sinh năm 1973, trú tại: 173/20 Y W, phường E, thành phố B) vay số tiền 12.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 300.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị P đã đóng tiền được 31 ngày với tổng số tiền là 11.160.000 đồng, trong đó tiền gốc là 9.300.000 đồng, tiền lãi là 1.860.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 203.819 đồng, tiền C thu lợi bất chính là **1.656.181** đồng). Số tiền gốc chị P còn nợ chưa trả là **2.700.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị P: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 048158 mang tên Lê Thị P và 01 sổ Hộ khẩu.

Người vay thứ 5: Ngày 15/10/2019, cho bà **Phạm Thị Ngọc A** (sinh năm 1959, trú tại: 185/06 Đình Tiên H, phường T, thành phố B) vay số tiền 6.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 150.000 đồng, tiền lãi là 30.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị A đã đóng tiền được 30 ngày với tổng số tiền là 5.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 4.500.000 đồng, tiền lãi là 900.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 98.622 đồng), tiền C thu lợi bất chính là **801.378** đồng. Số tiền gốc bà A còn nợ chưa trả là **1.500.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà A: 01 sổ Hộ khẩu số D-3552 chủ hộ là Đồng Văn N.

Người vay thứ 6: Cho anh **Trần Nhật L** (sinh năm 1984, trú tại: Thôn 8, xã H, thành phố B) vay **02 lần**:

- **Lần 01:** Ngày 21/10/2019 cho vay số tiền 2.500.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 83.333 đồng, tiền lãi là 16.667 đồng. Anh L đã đóng tiền được 07 ngày với tổng số tiền là 700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 583.000 đồng (làm tròn số), tiền lãi là 116.669 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 9.588 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là số tiền **107.081** đồng. Số tiền gốc anh L còn nợ chưa trả là **1.917.000** đồng.

- **Lần 02:** Ngày 27/10/2019 cho vay số tiền 2.500.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 83.333 đồng, tiền lãi là 16.667 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Anh L đã đóng tiền được 01 ngày với tổng số tiền là 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 83.333 đồng, tiền lãi là 16.667 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 1.370 đồng, thu lợi bất chính là số tiền **15.297** đồng. Số tiền gốc anh L còn nợ chưa trả là **2.416.667** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh Lam: 01 Chứng minh nhân dân số 241058528 mang tên Trần Nhật L.

Người vay thứ 7: Cho bà **Phạm Thị Thu S** (sinh năm 1965, trú tại: 28A Nguyễn Huy T, phường T, thành phố B) vay **02 lần:**

- **Lần 01:** Ngày 18/10/2019 cho vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 500.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà S đã đóng tiền được 36 ngày với tổng số tiền là 21.600.000 đồng, trong đó tiền gốc là 18.000.000 đồng, tiền lãi là 3.600.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 394.488 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **3.205.512** đồng). Số tiền gốc bà S còn nợ chưa trả là **2.000.000** đồng.

- **Lần 02:** Ngày 22/10/2019 cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà S đã đóng tiền được 32 ngày với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 87.664 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **712.336** đồng). Số tiền gốc bà S còn nợ chưa trả là **1.000.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà S: 01 sổ Hộ khẩu số D-7415, tên chủ hộ là Phạm Thị Thu S.

Người vay thứ 8: Ngày 06/11/2019, cho bà **Nguyễn Thị Kim V** (sinh năm 1969, trú tại: 60 Đình Tiên H, phường T, thành phố B) vay số tiền 6.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 150.000 đồng, tiền lãi là 30.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà V đã đóng tiền được 19 ngày với tổng số tiền là 3.420.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.850.000 đồng, tiền lãi là 570.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 62.461 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **507.539** đồng). Số tiền gốc bà V còn nợ chưa trả là **3.150.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà V: 01 Chứng minh nhân dân số 240385558 mang tên Nguyễn Thị Kim V.

Người vay thứ 9: Ngày 06/11/2019, cho bà **Nguyễn Thị Minh L** (sinh năm 1980, trú tại: 296/20/11 Lê D, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng

trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà L đã đóng tiền được 05 ngày với tổng số tiền là 750.000 đồng, trong đó tiền gốc là 625.000 đồng, tiền lãi là 125.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 13.698 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **111.303** đồng). Số tiền gốc bà L còn nợ chưa trả là **4.375.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà L: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 005352 mang tên Phạm Thị O.

Người vay thứ 10: Cho bà **Xa Thị S** (sinh năm 1979, trú tại: Thôn 2, xã H, thành phố B) vay **02 lần**:

Lần 1: Tháng 9/2019, cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà S đã đóng tiền được đủ 40 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 1.000.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là **109.580** đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **890.420** đồng).

Lần 2: Ngày 09/11/2019, cho vay số tiền 13.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 325.000 đồng, tiền lãi là 65.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà S đã đóng tiền được 37 ngày với tổng số tiền là 14.430.000 đồng, trong đó tiền gốc là 12.025.000 đồng, tiền lãi là 2.405.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 263.540 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **2.141.460** đồng). Số tiền gốc bà S còn nợ chưa trả là **975.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà Sim: 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 059544 mang tên Xa Thị S và 01 Chứng minh nhân dân số 241127481 mang tên Xa Thị S.

Người vay thứ 11: Cho bà **Lã Thị Ái K** (sinh năm 1969, trú tại: 44/3/39A Đình N, phường T, thành phố B) vay **02 lần**:

- **Lần 01:** Ngày 11/11/2019 cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà K đã đóng tiền được 33 ngày với tổng số tiền là 4.950.000 đồng, trong đó tiền gốc là 4.125.000 đồng, tiền lãi là 825.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 90.404 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **734.597** đồng). Số tiền gốc bà K còn nợ chưa trả là **875.000** đồng.

- **Lần 02:** Ngày 09/12/2019 cho vay số tiền 7.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 175.000 đồng, tiền lãi là 35.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà K đã đóng tiền được 06 ngày với tổng số tiền là 1.260.000 đồng, trong đó tiền gốc là số tiền 1.050.000 đồng, tiền lãi 210.000 đồng,

(tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 23.012 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **186.988** đồng). Số tiền gốc bà K còn nợ chưa trả là **5.950.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà Khanh: 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên người mua Lã Thị Ái K, 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40A8017106, 01 Giấy khai sinh số 384 mang tên Nguyễn Hoàng T.

Người vay thứ 12: Cho ông **Cao Thanh P** (sinh năm 1962, trú tại: 159 Lê Hồng P, phường T, thành phố B) vay **02 lần**:

- **Lần 01:** Ngày 29/11/2019 cho vay số tiền 40.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 1.000.000 đồng, tiền lãi là 200.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Ông P đã đóng tiền được 14 ngày với tổng số tiền là 16.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 14.000.000 đồng, tiền lãi là 2.800.000 đồng, (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 306.824 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **2.493.176** đồng). Số tiền gốc ông P còn nợ chưa trả là **26.000.000** đồng.

- **Lần 02:** Ngày 12/11/2019 cho vay số tiền 30.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 750.000 đồng, tiền lãi là 150.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Ông P đã đóng tiền được 29 ngày với tổng số tiền là 26.100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 21.750.000 đồng, tiền lãi là 4.350.000 đồng, (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 476.673 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **3.873.327** đồng). Số tiền gốc ông P còn nợ chưa trả là **8.250.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của ông P: 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 002290 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do sở kế hoạch đầu tư cấp.

Người vay thứ 13: Ngày 13/11/2019, cho bà **Đinh Thị Đ** (sinh năm 1976, trú tại: Thôn 2, xã H, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà Đ đã đóng tiền được 32 ngày với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 87.664 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **712.336** đồng). Số tiền gốc bà Đ còn nợ chưa trả là **1.000.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C không giữ giấy tờ gì của bà Đ vì quá trình trả nợ bà Đ đã mượn lại các giấy tờ đã đưa trước đó cho C.

Người vay thứ 14: Ngày 15/11/2019, cho chị **Lương Thị Bích V** (sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố 7, phường E, thành phố B) vay số tiền 3.000.000 đồng trong thời gian 36 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 83.333 đồng, tiền lãi là 16.667 đồng (lãi suất tương ứng là 202,780%/năm). Chị V đã đóng tiền được 31 ngày với

tổng số tiền 3.100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.583.323 đồng, tiền lãi là 516.677 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 50.955 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **465.722** đồng). Số tiền gốc chị V còn nợ chưa trả là **416.677** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị V: 01 Chứng minh nhân dân số 241210809 mang tên Lương Thị Bích V.

Người vay thứ 15: Ngày 16/11/2019, cho bà **Trần Thị Kim H** (sinh năm 1971, trú tại: 69/05 Nguyễn Công T, phường T, thành phố B) vay số tiền 7.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 175.000 đồng, tiền lãi là 35.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà H đã đóng tiền được 29 ngày với tổng số tiền là 6.090.000 đồng, trong đó tiền gốc là 5.075.000 đồng, tiền lãi là 1.015.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 111.224 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **903.776** đồng). Số tiền gốc bà H còn nợ chưa trả là **1.925.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà H: 01 sổ Hộ khẩu số D-2015 chủ hộ là Hà Xuân H.

Người vay thứ 16: Ngày 16/11/2019, cho bà **Nguyễn Thị Kim P** (sinh năm 1970, trú tại: 54/02 Phạm Ngũ L, phường T, thành phố B) vay số tiền 7.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 175.000 đồng, tiền lãi là 35.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà P đã đóng tiền được 28 ngày với tổng số tiền là 5.880.000 đồng, trong đó tiền gốc là 4.900.000 đồng, tiền lãi là 980.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 107.388 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **872.612** đồng). Số tiền gốc bà P còn nợ chưa trả là **2.100.000** đồng. Khi cho vay, Lê Mạnh C không giữ giấy tờ gì của bà P do trong quá trình trả nợ bà P đã mượn lại các giấy tờ đã đưa trước đó cho C.

Người vay thứ 17: Cho anh **Nguyễn Nhật N** (sinh năm 1989, trú tại: 671 Phạm Văn Đ, phường T, thành phố B) vay **02 lần:**

- **Lần 01:** Ngày 17/11/2019 cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh N đã đóng tiền được 29 ngày với tổng số tiền là 4.350.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.625.000 đồng, tiền lãi là 725.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 79.446 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **645.555** đồng). Số tiền gốc anh N còn nợ chưa trả là **1.375.000** đồng.

- **Lần 02:** Ngày 09/12/2019 cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là số tiền 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh N đã đóng tiền được 07 ngày với tổng số tiền là 1.050.000 đồng, trong đó tiền gốc là 875.000 đồng, tiền lãi là 175.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 19.177 đồng, số tiền C thu lợi bất

chính là **155.824** đồng). Số tiền gốc anh N còn nợ chưa trả là **4.125.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh N: 01 Giấy phép lái xe số AE 388983 mang tên Nguyễn Nhật N.

Người vay thứ 18: Ngày 17/11/2019, cho bà **Nguyễn Lệ H** (sinh năm 1974, trú tại: 50 Hồ Tùng M, phường T, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc 250.000 đồng, tiền lãi 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà H đã đóng tiền được 27 ngày với tổng số tiền là 8.100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 6.750.000 đồng, tiền lãi là 1.350.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 147.933 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **1.202.067** đồng). Số tiền gốc bà H còn nợ chưa trả là **3.250.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà H: 01 Giấy khai sinh số 315/2015 mang tên Đỗ Nguyễn Mỹ D, 01 sổ Hộ khẩu bản sao y số I-1999 chủ hộ Đỗ Công T và 01 Đăng ký xe mô tô, xe máy số A0069687 mang tên Đỗ Tiến V.

Người vay thứ 19: Ngày 17/11/2019, cho anh **Nguyễn Văn T** (sinh năm 1990, trú tại: 131 Trần Quý C, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh T đã đóng tiền được 02 ngày với tổng số tiền là 300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 5.479 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **44.521** đồng). Số tiền gốc anh T còn nợ chưa trả là **4.750.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh T: 01 Giấy khai sinh số 304/2017 mang tên Nguyễn Thị Kim N.

Người vay thứ 20: Ngày 18/11/2019, cho chị **Đinh Thị Thanh T** (sinh năm 1984, trú tại: 258/10 Nguyễn Lương B, phường T, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị T đã đóng tiền được 15 ngày với tổng số tiền là 4.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.750.000 đồng, tiền lãi là 750.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 82.185 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **667.815** đồng). Số tiền gốc chị T còn nợ chưa trả là **6.250.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ lại của chị T: 01 sổ Hộ khẩu số M-1508 do Đinh Công Q làm chủ hộ và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241109334 mang tên Quách Thị T.

Người vay thứ 21: Ngày 19/11/2019, cho chị **Đinh Thị Mai L** (sinh năm 1980, trú tại: Thôn 3, xã H, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị L đã đóng tiền được 28 ngày với tổng số tiền

là 4.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.500.000 đồng, tiền lãi là 700.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 76.706 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **623.294** đồng). Số tiền gốc chị L còn nợ chưa trả là **1.500.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ lại của chị L: 01 sổ Hộ khẩu số M-5694, chủ hộ là Đinh Thị Mai L; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240569611 mang tên Đinh Thị Mai L và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy mang tên Đinh Thị Mai L.

Người vay thứ 22: Cho ông **Nguyễn Quang V** (sinh năm 1964, trú tại: 82/04 AMa K, phường T, thành phố B) **vay 02 lần:**

- **Lần 01:** Ngày 19/11/2019 cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Ông V đã đóng tiền được 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 65.748 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **534.252** đồng). Số tiền gốc ông V còn nợ chưa trả là **2.000.000** đồng.

- **Lần 02:** Ngày 28/11/2019 cho vay số tiền 3.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 100.000 đồng, tiền lãi là 20.000 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Ông V đã đóng tiền được 15 ngày với tổng số tiền là 1.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.500.000 đồng, tiền lãi là 300.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 24.656 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **275.345** đồng). Số tiền gốc ông V còn nợ chưa trả là **1.500.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của ông V: 01 Chứng minh nhân dân số 24015391 mang tên Nguyễn Quang V.

Người vay thứ 23: Ngày 19/11/2019, cho anh **Dương Văn H** (sinh năm 1986, trú tại: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh H đã đóng tiền được 27 ngày với tổng số tiền là 8.100.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 6.750.000 đồng, tiền lãi là 1.350.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 147.933 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **1.202.067** đồng). Số tiền gốc anh H còn nợ chưa trả là **3.250.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh H: 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 047629.

Người vay thứ 24: Ngày 19/11/2019, cho chị **Phạm Thị Thu N** (sinh năm 1989, trú tại: 105/68/03 Lê Hồng P, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị N đã đóng tiền được 23 ngày

với tổng số tiền là 3.450.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.875.000 đồng, tiền lãi là 575.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 63.009 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **511.992** đồng). Số tiền gốc chị N còn nợ chưa trả là **2.125.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ lại của chị N: 01 sổ Hộ khẩu số T2132 chủ hộ Nguyễn Thị H và 01 Giấy phép lái xe số AR131485 mang tên Phạm Thị Thu N.

Người vay thứ 25: Ngày 20/11/2019, cho bà **Trần Thị T** (sinh năm 1956, trú tại: 48/18 Hùng V, phường T, thành phố B) vay số tiền 6.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 150.000 đồng, tiền lãi là 30.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà T đã đóng tiền được 26 ngày với tổng số tiền là 4.680.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.900.000 đồng, tiền lãi là 780.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 85.472 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **694.528** đồng). Số tiền gốc bà T còn nợ chưa trả là **2.100.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà T: 01 sổ Hộ khẩu số D477, tên chủ hộ là Trần Thị T và 01 Chứng minh nhân dân số 240227279 mang tên Trần Thị T.

Người vay thứ 26: Ngày 21/11/2019, cho anh **Lý Thanh V** (sinh năm 1985, trú tại: 113/44/48A Nguyễn Cơ T, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh V đã đóng tiền được 22 ngày với tổng số tiền 3.300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.750.000 đồng, tiền lãi là 550.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 60.269 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **489.731** đồng). Số tiền gốc anh V còn nợ chưa trả là **2.250.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh V: 01 Giấy phép lái xe số 660146020197, 01 Chứng minh nhân dân số 261084210, 01 Thẻ đoàn viên số V127916 tất cả đều mang tên Lý Thanh V và 01 Giấy khai sinh số 30/2013 mang tên Lý Uyển N.

Người vay thứ 27: Ngày 22/11/2019, cho chị **H' T ÊBan** (sinh năm 1982, trú tại: Thôn 7, xã H, thành phố B) vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 500.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị H' T đã đóng tiền được 24 ngày với tổng số tiền là 14.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 12.000.000 đồng, tiền lãi là 2.400.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 262.992 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **2.137.008** đồng). Số tiền gốc chị H' T còn nợ chưa trả là **8.000.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị H' T: 01 Chứng minh nhân dân photo số 240796964 mang tên H' T Êban và 01 Giấy khai sinh bản chính số 216 mang tên Lê Đức T ÊBan.

Người vay thứ 28: Ngày 23/11/2019, cho bà **Nguyễn Thị Hồng T** (sinh năm 1968, trú tại: 114 Phan Chu T, phường T, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà T đã đóng tiền được 21 ngày với tổng số tiền là 6.300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 5.250.000 đồng, tiền lãi là 1.050.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.059 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **934.941** đồng). Số tiền gốc bà T còn nợ chưa trả là **4.750.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà T: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 026278 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/6/2010.

Người vay thứ 29: Ngày 23/11/2019, cho chị **Phạm Thị Thanh T** (sinh năm 1987, trú tại: Tổ dân phố 13, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị T đã đóng tiền được 16 ngày với tổng số tiền là 2.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 43.832 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **356.168** đồng). Số tiền gốc chị T còn nợ chưa trả là **3.000.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị T: 01 Chứng minh nhân dân số 240765181 mang tên Nguyễn Đăng T.

Người vay thứ 30: Cho bà **Vũ Thị H** (sinh năm 1979, trú tại: 118/64 Y N, phường E, thành phố B) **vay 02 lần:**

- **Lần 01:** Ngày 24/11/2019 cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà H đã đóng tiền được 23 ngày với tổng số tiền là 3.450.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.875.000 đồng, tiền lãi là 575.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 63.009 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **511.992** đồng). Số tiền gốc bà H còn nợ chưa trả là **2.125.000** đồng.

- **Lần 02:** Ngày 09/12/2019 cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà H đã đóng tiền được 13 ngày với tổng số tiền là 1.950.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.625.000 đồng, tiền lãi là 325.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 35.614 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **289.387** đồng). Số tiền gốc bà H còn nợ chưa trả là **3.375.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà H: 01 Giấy khai sinh số 718/2019 mang tên Hồ Hoàng A.

Người vay thứ 31: Cho chị **Lê Thị Kim P** (sinh năm 1989, trú tại: 215/99 Võ Văn K, phường K, thành phố B) **vay 02 lần:**

- **Lần 01:** Ngày 24/11/2019 cho vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Chị P đã đóng tiền được 12 ngày với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng, tiền lãi là 800.004 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 65.748 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **734.256** đồng). Số tiền gốc chị P còn nợ chưa trả là **6.000.000** đồng.

- **Lần 02:** Ngày 02/12/2019 vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị P đã đóng tiền được 03 ngày với tổng số tiền là 900.000 đồng, trong đó tiền gốc là 750.000 đồng, tiền lãi là 150.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 16.437 đồng, số tiền C thu lợi bất chính **133.563** đồng). Số tiền gốc chị P còn nợ chưa trả là **9.250.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị P: 01 sổ Hộ khẩu số K-3551, chủ hộ tên là Lê Văn L và 01 Giấy khai sinh số 136 mang tên Trần Nhã K.

Người vay thứ 32: Ngày 24/11/2019, cho bà **Hà Thị Thu H** (sinh năm 1981, trú tại: 610 Lê D, phường e, thành phố b) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Bà H đã đóng tiền được 10 ngày với tổng số tiền là 4.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.333.333 đồng, lãi 666.670 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 54.790 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **611.880** đồng). Số tiền gốc còn bà H nợ chưa trả là **6.666.670** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà H: 01 Giấy khai sinh số 174/2015 của Nguyễn Hà Hoài N; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 014620; 01 Giấy phép lái xe số Z656628 và 01 Chứng minh nhân dân bản photo số 211676629 mang tên Hà Thị Thu H.

Người vay thứ 33: Ngày 26/11/2019, cho ông **Nguyễn Phi L** (sinh năm 1973, trú tại: 337 Võ Văn K, phường K, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Ông L đã đóng tiền được 20 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 1.000.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 109.580 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **890.420** đồng). Số tiền gốc ông L còn nợ chưa trả là **5.000.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của ông L: 01 sổ Hộ khẩu bản sao y số 160500622, tên chủ hộ là Nguyễn Phi L.

Người vay thứ 34: Cho bà **Trần Thị H** (sinh năm 1968, trú tại: 149 Đinh Tiên H, phường T, thành phố B) **vay 02 lần:**

- **Lần 01:** Ngày 26/11/2019 cho vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 500.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà H đã đóng tiền được 19 ngày với tổng số tiền là 11.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 9.500.000 đồng, tiền lãi là 1.900.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 208.202 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **1.691.798** đồng). Số tiền gốc bà H còn nợ chưa trả là **10.500.000** đồng.

- **Lần 02:** Ngày 07/12/2019 cho vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà H đã đóng tiền được 08 ngày với tổng số tiền là 2.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 43.832 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **356.168** đồng). Số tiền gốc bà H còn nợ chưa trả là **8.000.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà Hoa: 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số A0104029; A0083763 đều mang tên Trần Thị H.

Người vay thứ 35: Ngày 26/11/2019, cho bà **Nguyễn Thị Thu C** (sinh năm 1968, trú tại: 496/66/17 Võ Văn K, phường K, thành phố B) vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 500.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà C đã đóng tiền được 18 ngày với tổng số tiền là 10.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 9.000.000 đồng, tiền lãi là 1.800.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 197.244 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **1.602.756** đồng). Số tiền gốc bà C còn nợ chưa trả là **11.000.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà C: 01 Hộ chiếu số B6303615 mang tên Nguyễn Thị Thu C.

Người vay thứ 36: Cho bà **Lương Thị H** (sinh năm 1962, trú tại: 86 Hai Bà T, phường T, thành phố B) **vay 02 lần:**

- **Lần 01:** Ngày 27/11/2019 cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà H đã đóng tiền được 17 ngày với tổng số tiền là 2.550.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.125.000 đồng, tiền lãi là 425.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 46.572 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **378.429** đồng). Số tiền gốc bà H còn nợ chưa trả là **2.875.000** đồng.

- **Lần 02:** Ngày 01/12/2019 cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Bà H đã đóng tiền được 13 ngày với tổng số tiền là 2.600.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.166.658 đồng, tiền lãi là 433.342 đồng (tiền

lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 35.614 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **397.716** đồng). Số tiền gốc bà H còn nợ chưa trả là **2.833.342** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà H: 01 Chứng minh nhân dân số 2418827 mang tên Lê Thị Hoàng M; 01 sổ hộ khẩu pho tô số B-3671, tên chủ hộ là Lương Thị H; 01 Chứng minh nhân dân pho tô số 240018161 mang tên Lương Thị H và 01 chứng minh nhân dân pho tô số 2400756842 mang tên Lê Văn N.

Người vay thứ 37: Ngày 27/11/2019, cho bà **Thái Thị Thu H** (sinh năm 1971, trú tại: 267/07 Nguyễn Văn C, phường T, thành phố B) vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm), 01 ngày đóng tiền gốc là 500.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng. Bà H đã đóng tiền được 16 ngày với tổng số tiền là 9.600.000 đồng, trong đó tiền gốc là 8.000.000 đồng, tiền lãi là 1.600.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 175.328 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **1.424.672** đồng). Số tiền gốc bà H còn nợ chưa trả là **12.000.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà H: 01 Giấy báo tiền nước.

Người vay thứ 38: Cho bà **Hoàng Thúy N** (sinh năm 1979, trú tại: 610/21 V, phường T, thành phố B) **vay 02 lần.**

Lần 1: Ngày 26/10/2019 cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất thỏa thuận tương ứng là 182,5%/năm). Bà N đã đóng tiền được 33 ngày với tổng số tiền là 4.950.000 đồng, gói vay này bà N đáo để vay gói thứ 02 nên bà đã trả đủ cả tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi là 1.000.000 đồng, như vậy lãi suất thực tế của gói vay này là 221,2%/năm (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là **109.580** đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **890.420** đồng).

Lần 2: Ngày 27/11/2019, đáo vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà N đã đóng tiền được 18 ngày với tổng số tiền 2.700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.250.000 đồng, tiền lãi 450.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 49.311 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **400.689** đồng). Số tiền gốc bà N còn nợ chưa trả là **2.750.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà N: 01 Chứng minh nhân dân số 240579180 mang tên Hoàng Thúy N.

Người vay thứ 39: Cho chị **Lê Vũ Thùy T** (sinh năm 1990, trú tại: 40A Tô H, phường K, thành phố B) **vay 02 lần:**

Lần 1: Ngày 26/10/2019, vay số tiền 7.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 175.000 đồng, tiền lãi là 35.000 đồng (lãi suất thỏa

thuận tương ứng là 182,5%/năm). Chị T đã đóng tiền được 34 ngày, sau đó chị T đáo hạn vay gói thứ 2 và đã trả đủ tiền gốc là 7.000.000 đồng cùng tiền lãi là 1.400.000 đồng của gói vay thứ nhất cho C, như vậy lãi suất thực tế của gói vay này là 214,7%/năm (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là **153.412** đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **11.246.572** đồng).

Lần 2: Ngày 28/11/2019, cho vay số tiền 7.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 175.000 đồng, tiền lãi là 35.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị T đã đóng tiền được 18 ngày với tổng số tiền là 3.780.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.150.000 đồng, tiền lãi là 630.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 69.035 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **560.965** đồng). Số tiền gốc chị T còn nợ chưa trả là **3.850.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị T: 01 Giấy đăng ký khai sinh bản gốc số 266 mang tên Bùi Lê Cát T.

Người vay thứ 40: Cho anh **Vương Trần Nhã T** (sinh năm 1979, trú tại: 48/18 Hùng V, phường T, thành phố B) **vay 02 lần:**

Lần 1: Ngày 29/10/2019, cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất thỏa thuận tương ứng là 182,5%/năm). Anh T đã đóng tiền được 18 ngày với tổng số tiền là 2.700.000 đồng, sau đó đáo để vay gói thứ 2 nên đã đóng đủ tiền gốc là 5.000.000 đồng và tiền lãi là 1.000.000 đồng cho Lê Mạnh C, như vậy lãi suất thực tế của gói vay này là 405,5%/năm (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là **109.580** đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **890.420** đồng).

Lần 2: Ngày 28/11/2019, đáo vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh T đã đóng tiền được 18 ngày với tổng số tiền là 2.700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.250.000 đồng, tiền lãi là 450.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 49.311 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **400.689** đồng). Số tiền gốc anh T còn nợ chưa trả là **2.750.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh Thủy: 01 Giấy phép lái xe số 661037815601 mang tên Vương Trần Nhã T.

Người vay thứ 41: Ngày 29/11/2019, cho anh **Trần Đông H** (sinh năm 1980, trú tại: 03 Phan Huy C, phường K, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Anh H đã đóng tiền được 17 ngày với tổng số tiền là 3.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.833.322 đồng, tiền lãi là 566.661 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 46.572 đồng, số

tiền C thu lợi bất chính là **520.107** đồng). Số tiền gốc còn anh H nợ chưa trả là **2.166.678** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh H: 01 sổ Hộ khẩu số T-5293, chủ hộ là Trần Đông H.

Người vay thứ 42: Ngày 30/11/2019, cho bà **Phạm Thị Ngọc G** (sinh năm 1978, trú tại: 209/17 Quang T, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà G đã đóng tiền được 15 ngày với tổng số tiền là 2.250.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.875.000 đồng, tiền lãi là 375.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 41.093 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **333.908** đồng). Số tiền gốc bà G còn nợ chưa trả là **3.125.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà G: 01 sổ Hộ khẩu số T730, chủ hộ là Nguyễn Thị T.

Người vay thứ 43: Ngày 30/11/2019, cho anh **Huỳnh Minh T** (sinh năm 1977, trú tại: 153/39 Phan Chu T, phường T, thành phố B) vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 375.000 đồng, tiền lãi là 75.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh T đã đóng tiền được 15 ngày với tổng số tiền là 6.750.000 đồng, trong đó tiền gốc là 5.625.000 đồng, tiền lãi là 1.125.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 123.278 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **1.001.723** đồng). Số tiền gốc anh T còn nợ chưa trả **9.375.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh T: 01 sổ Hộ khẩu số B-3009, chủ hộ là Huỳnh Minh T và 01 Chứng minh nhân dân photo số 240624524 mang tên Huỳnh Minh T.

Người vay thứ 44: Cho bà **Đặng Thị N** (sinh năm 1970, trú tại: Tổ dân phố 2, phường E, thành phố B) **vay 02 lần:**

- **Lần 01:** Ngày 01/12/2019 cho vay số tiền 32.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 800.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà N đã đóng tiền được 14 ngày với tổng số tiền là 12.600.000 đồng, trong đó tiền gốc là **11.200.000** đồng, tiền lãi là 1.400.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 245.459 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **1.154.541** đồng). Số tiền gốc bà N còn nợ chưa trả là **20.800.000** đồng.

- **Lần 02:** Ngày 07/12/2019 cho vay số tiền 50.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 1.666.667 đồng, tiền lãi là 333.333 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Bà N đã đóng tiền được 08 ngày với tổng số tiền là 16.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 13.333.328 đồng, tiền lãi là 2.666.664 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 219.160 đồng, số tiền C

thu lợi bất chính là **2.447.504** đồng). Số tiền gốc bà N còn nợ chưa trả là **36.666.672** đồng.

Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà Đặng Thị N: 01 Phiếu thu tiền điện và 01 Giấy báo cước dịch vụ viễn thông số 11420876.

Người vay thứ 45: Ngày 01/12/2019, cho anh **Nguyễn Trung H** (sinh năm 1991, trú tại: 59/03 Nguyễn D, phường T, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh H đã đóng tiền được 06 ngày với tổng số tiền là 1.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.500.000 đồng, tiền lãi là 300.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 32.874 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **267.126** đồng). Số tiền gốc anh H còn nợ chưa trả là 8.500.000 đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh H: 01 sổ Hộ khẩu số D6054, chủ hộ là Nguyễn Thị Y; 01 Giấy chứng nhận; 01 Giấy khai sinh số 175 mang tên Nguyễn Minh T; 01 Đơn xin việc làm; 01 Sơ yếu lý lịch, 01 Chứng minh nhân dân bản phô tô số 241180203 và 01 Giấy phép lái xe bản phô tô số 660197008313.

Người vay thứ 46: Ngày 01/12/2019, cho anh **Lê Văn M** (sinh năm 1989, trú tại: 360/18 Hoàng D, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh M đã đóng tiền được 15 ngày với tổng số tiền là 2.250.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.875.000 đồng, tiền lãi là 375.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 41.093 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **333.908** đồng). Số tiền gốc anh M còn nợ chưa trả là **3.125.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C không giữ giấy tờ gì của anh M vì trong quá trình trả nợ anh M đã mượn lại các giấy tờ đã đưa trước đó cho C.

Người vay thứ 47: Cho bà **Dương Thị T** (sinh năm 1957, trú tại: 71 Lý Thường K, phường T, thành phố B) **vay 02 lần:**

- **Lần 01:** Ngày 01/12/2019 cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Bà T đã đóng tiền được 21 ngày với tổng số tiền là 4.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.499.986 đồng, tiền lãi là 700.014 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 57.530 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **642.464** đồng). Số tiền gốc bà T còn nợ chưa trả là **1.500.014** đồng.

- **Lần 02:** Ngày 16/12/2019 cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 166.666 đồng, tiền lãi là 33.334 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Bà T đã đóng tiền được 01 ngày với tổng số tiền là

200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 166.666 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 2.740 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **30.594** đồng). Số tiền gốc bà T còn nợ chưa trả là 4.833.334 đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà T: 01 sổ Hộ khẩu số B-2122, chủ hộ là Dương Thị T.

Người vay thứ 48: Ngày 01/12/2019, cho anh **Nguyễn T** (sinh năm 1980, trú tại: 337/16/30 Võ Văn K, phường K, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh T đã đóng tiền được 14 ngày với tổng số tiền là 2.100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.750.000 đồng, tiền lãi là 350.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 38.353 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **311.647** đồng). Số tiền gốc anh T còn nợ chưa trả là **3.250.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh T: 01 Giấy đăng ký mô tô xe máy số 047636 mang tên Nguyễn Tuấn V.

Người vay thứ 49: Ngày 01/12/2019, cho chị **Phún Thị Kim A** (sinh năm 1989, trú tại: 66/01/02 Nguyễn Công T, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị O đã đóng tiền được 15 ngày với tổng số tiền là 2.250.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.875.000 đồng, tiền lãi là 375.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 41.093 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **333.908** đồng). Số tiền gốc chị O còn nợ chưa trả là **3.125.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị O: 01 Chứng minh nhân dân số 241034616 mang tên Phún Thị Kim A và 01 Giấy khai sinh số 350/2017 mang tên Cao Khánh T.

Người vay thứ 50: Cho ông **Trương Khánh T** (sinh năm 1972, trú tại: 23/25 Mai Thị L, phường E, thành phố B) **vay 02 lần:**

- **Lần 01:** Ngày 01/12/2019, cho vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất thỏa thuận tương ứng là 182,5%/năm). Ông T đã đóng tiền được 14 ngày, sau đó đáo hạn vay gói thứ 2 đã đóng đủ tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi suất là 2.000.000 đồng như vậy lãi suất thực tế của gói vay này là 521,4%/năm (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là **219.160** đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **1.780.840** đồng).

- **Lần 02:** Ngày 15/12/2019, đáo vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Ông T đã đóng tiền được 05 ngày với tổng số tiền là 750.000 đồng, trong đó tiền gốc là 625.000 đồng, tiền lãi là 125.000 đồng (tiền lãi

suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 13.698 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **111.303** đồng). Số tiền gốc ông T còn nợ chưa trả là **4.375.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của ông T: 01 sổ Hộ khẩu số V-4319 chủ hộ tên Trương Khánh T.

Người vay thứ 51: Ngày 02/12/2019, cho bà **H' D Niê** (sinh năm 1960, trú tại: Hẻm 81 YNi K, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà H' D đã đóng được 20 ngày với tổng số tiền là 3.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.500.000 đồng, tiền lãi là 500.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 54.790 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **445.210** đồng). Số tiền gốc bà H' D còn nợ chưa trả là **2.500.000** đồng. Khi cho vay tiền, C không giữ tài sản gì của bà H' D do trong quá trình trả nợ bà H' D đã mượn lại các giấy tờ đã đưa trước đó cho C.

Người vay thứ 52: Ngày 02/12/2019, cho chị **Lâm Thị H** (sinh năm 1990, trú tại: 360/11 Hoàng D, phường T, thành phố B) vay số tiền 7.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 175.000 đồng, tiền lãi là 35.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị H đã đóng tiền được 13 ngày với tổng số tiền là 2.730.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.275.000 đồng, tiền lãi là 455.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 49.859 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **405.141** đồng). Số tiền gốc chị H còn nợ chưa trả là **4.725.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị H: 01 Giấy khai sinh số 11/2014 mang tên Lâm Thị H, 01 Giấy khai sinh số 206 mang tên Nguyễn Hoàng A.

Người vay thứ 53: Ngày 03/12/2019, cho chị **H' N KNul** (sinh năm 1987, trú tại: 46 Yni K, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị H' N đã đóng tiền được 13 ngày với tổng số tiền là 1.950.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.625.000 đồng, tiền lãi là 325.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 35.614 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **289.387** đồng). Số tiền gốc chị H' N còn nợ chưa trả là **3.375.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị H' N: 01 Chứng minh nhân dân mang tên H' N Knul và 01 sổ Hộ khẩu chủ hộ H' L Knul.

Người vay thứ 54: Ngày 04/12/2019, cho bà **Trần Thị Ngọc D** (sinh năm 1972, trú tại: Tổ dân phố 8, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà D đã đóng tiền được 11 ngày với tổng số tiền là 1.650.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.375.000 đồng, tiền lãi là

275.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 30.135 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **244.866** đồng). Số tiền gốc bà D còn nợ chưa trả là **3.625.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C không giữ tài sản gì của bà D do trong quá trình trả nợ bà D đã mượn lại các giấy tờ đã đưa trước đó cho C.

Người vay thứ 55: Ngày 04/12/2019, cho bà **Trần Thị L** (sinh năm 1967, trú tại: 54/03 Đặng Văn N, phường E, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà L đã đóng tiền được 11 ngày với tổng số tiền là 3.300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.750.000 đồng, tiền lãi là 550.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 60.269 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **489.731** đồng). Số tiền gốc bà L còn nợ chưa trả là **7.250.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà L: 01 Giấy khai sinh số 579/2019 mang tên Nguyễn Thị Thùy T.

Người vay thứ 56: Ngày 04/12/2019, cho ông **Phạm Minh S** (sinh năm 1970, trú tại: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Ông S đã đóng tiền được 12 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 65.748 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **534.252** đồng). Số tiền gốc ông S còn nợ chưa trả là **7.000.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của ông S: 01 sổ Hộ khẩu số D-6281, chủ hộ là Phạm Minh S và 01 Chứng minh nhân dân số 240854488 mang tên Phạm Minh S.

Người vay thứ 57: Ngày 05/12/2019, cho bà **Phan Thị A** (sinh năm 1967, trú tại: Tổ dân phố 7, phường E, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà A đã đóng tiền được 06 ngày với tổng số tiền là 900.000 đồng, trong đó tiền gốc là 750.000 đồng, tiền lãi là 150.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 16.437 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **133.563** đồng). Số tiền gốc bà A còn nợ chưa trả là 4.250.000 đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà A: 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010790 chủ xe Phan Thị A.

Người vay thứ 58: Ngày 06/12/2019, cho anh **Đoàn Quân T** (sinh năm 1990, trú tại: 81A YNi K, phường T, thành phố B) vay số tiền 8.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh T đã đóng tiền được 06 ngày với

tổng số tiền là 1.440.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.200.000 đồng, tiền lãi là 240.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 26.299 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **213.701** đồng). Số tiền gốc anh T còn nợ chưa trả là **6.800.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh T: 01 Giấy xác nhận nhân thân.

Người vay thứ 59: Ngày 07/12/2019, cho anh **Nguyễn Hoàng Như L** (sinh năm 1975, trú tại: 163 Phan Chu T, phường T, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh L đã đóng tiền được 09 ngày với tổng số tiền là 2.700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.250.000 đồng, tiền lãi là 450.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 49.311 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **400.689** đồng). Số tiền gốc còn nợ chưa trả là **7.750.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh L: 01 Giấy phép lái xe số E706775 mang tên Nguyễn Hoàng Như L.

Người vay thứ 60: Ngày 07/12/2019, cho bà **Nguyễn Thị V** (sinh năm 1966, trú tại: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà V đã đóng tiền được 07 ngày với tổng số tiền là 2.100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.750.000 đồng, tiền lãi là 350.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 38.353 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **311.647** đồng). Số tiền gốc bà V còn nợ chưa trả là 8.250.000 đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà V: 01 Chứng minh nhân dân số 241421090; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 067149 tất cả đều mang tên Trương Hữu C và 01 Giấy khai sinh bản chính số 342 mang tên Nguyễn Ngọc Khánh A.

Người vay thứ 61: Ngày 08/12/2019, cho chị **Phạm Thị Ngọc Y** (sinh năm 1986, trú tại: 151 Phan Bội C, phường T, thành phố B) vay số tiền 7.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc 175.000 đồng, tiền lãi là 35.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị Y đã đóng tiền được 07 ngày với tổng số tiền là 1.470.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.225.000 đồng, tiền lãi là 245.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 26.847 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **218.153** đồng). Số tiền gốc chị Y còn nợ chưa trả là **5.775.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị Y: 01 Giấy khai sinh số 97 mang tên Trần Ngọc Gia H.

Người vay thứ 62: Ngày 08/12/2019, cho chị **Trần Thị Bích T** (sinh năm 1984, trú tại: 18/06 Giải P, phường T, thành phố B) vay số tiền 12.000.000 đồng

trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 300.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị T đã đóng tiền được 07 ngày với tổng số tiền là 2.520.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.100.000 đồng, tiền lãi là 420.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là số tiền 46.024 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **373.976** đồng). Số tiền gốc chị T còn nợ chưa trả là **9.900.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị T: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028697 và 01 Giấy phép lái xe số 661087002419.

Người vay thứ 63: Ngày 08/12/2019, cho chị **Nguyễn Thị Ngọc H** (sinh năm 1994, trú tại: 36 Y O, phường T, thành phố B) vay số tiền là 4.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 133.333 đồng, tiền lãi là 26.667 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Chị H đã đóng tiền được 08 ngày với tổng số tiền là 1.280.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.066.664 đồng, tiền lãi là 213.336 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 17.533 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **195.803** đồng). Số tiền gốc còn nợ chưa trả là **2.933.336** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị H: 01 Chứng minh nhân dân số 241484019 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H.

Người vay thứ 64: Ngày 09/12/2019, cho ông **Nguyễn Thanh H** (sinh năm 1949, trú tại: 43 AMa K, phường T, thành phố B) vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 375.000 đồng, tiền lãi là 75.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Ông H đã đóng tiền được 08 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 65.748 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **534.252** đồng). Số tiền gốc ông H còn nợ chưa trả là **12.000.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của ông Hoàn: 01 Giấy chứng nhận đại biểu hội đồng nhân dân; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240237393 tất cả đều mang tên Nguyễn Thanh H; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 061482 mang tên Phạm Ngọc H, 01 sổ Hộ khẩu phổ thông bản sao y số L-1134 chủ hộ Hoàng Thị Bảo H.

Người vay thứ 65: Ngày 10/12/2019, cho bà **Nguyễn Thị T** (sinh năm 1978, trú tại: 25/05 Đình Công T, phường T, thành phố B) vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 375.000 đồng, tiền lãi là 75.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà T đã đóng tiền được 06 ngày với tổng số tiền là 2.700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.250.000 đồng, tiền lãi là 450.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 49.311 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **400.689** đồng). Số tiền gốc bà T còn nợ chưa trả là

12.750.000 đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C không giữ tài sản gì của bà T do trong quá trình trả nợ bà Tuyết đã mượn lại các giấy tờ đã đưa trước đó cho C.

Người vay thứ 66: Ngày 13/12/2019, cho chị **Tô Thị Phương T** (sinh năm 1998, trú tại: 54/03 Đặng Văn N, phường E, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Chị T đã đóng tiền được 04 ngày với tổng số tiền là 1.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.000.000 đồng, tiền lãi là 200.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 21.916 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **178.084** đồng). Số tiền gốc chị T còn nợ chưa trả là **9.000.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của chị T: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241682594; 01 Thẻ bảo hiểm y tế mã số GD 4 66 662 251 7444 tất cả đều mang tên Tô Thị Phương T; 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2019 do Ủy ban nhân dân phường E cấp ngày 06/8/2019.

Người vay thứ 67: Cho anh **Lê Văn T** (sinh năm 1991, trú tại: 215/99 Võ Văn K, phường K, thành phố B) **vay 02 lần:**

Lần 01: Ngày 24/11/2019, cho vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng (lãi suất thỏa thuận tương ứng là 243,3%/năm). Anh T đã đóng tiền được 20 ngày, sau đó đáo vay gói thứ 02 và đã trả đủ số tiền gốc và tiền lãi của gói vay thứ nhất cho C. Như vậy lãi suất thực tế của gói vay là 365%/năm, tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là **164.370** đồng, C thu lợi bất chính số tiền là **1.835.630** đồng.

Lần 2: Ngày 13/12/2019, vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Anh T đã đóng tiền được 03 ngày với tổng số tiền là 1.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.000.000 đồng, tiền lãi là 200.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 16.473 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **183.564** đồng). Số tiền gốc anh T còn nợ chưa trả là **9.000.000** đồng.

Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh Lê Văn T: 01 Giấy phép lái xe số 660107810113 và 01 Chứng minh nhân dân số 241154820 tất cả đều mang tên Lê Văn T.

Người vay thứ 68: Ngày 13/12/2019, cho bà **Lê Thị T** (sinh năm 1981, trú tại: 78/18/02 Đinh N, phường T, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà T đã đóng tiền được 05 ngày với tổng số tiền là 1.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.250.000 đồng, tiền lãi là 250.000 đồng, (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 27.395 đồng, số tiền C

thu lợi bất chính là **222.605** đồng). Số tiền gốc bà T còn nợ chưa trả là **8.750.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà T: 01 sổ Hộ khẩu số L-7092, chủ hộ là Lê Minh H và 01 Chứng minh nhân dân số 240647591 mang tên Lê Thị T.

Người vay thứ 69: Ngày 14/12/2019, cho bà **Nguyễn Thị H** (sinh năm 1955, trú tại: 129/47 Lê Hồng P, phường T, thành phố B) vay số tiền 2.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 66.667 đồng, tiền lãi là 13.333 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Bà H đã đóng tiền được 02 ngày với tổng số tiền là 160.000 đồng, trong đó tiền gốc là 133.332 đồng, tiền lãi là 26.668 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 2.192 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **24.474** đồng). Số tiền gốc bà H còn nợ chưa trả là **1.866.668** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C không giữ tài sản gì của bà H do trong quá trình trả nợ bà H đã mượn lại các giấy tờ đã đưa trước đó cho C.

Người vay thứ 70: Ngày 14/12/2019, cho bà **Ngô Thị Thu T** (sinh năm 1968, trú tại: 40 Lê Thị R, phường E, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Bà T đã đóng tiền được 02 ngày với tổng số tiền là 800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 666.666 đồng, tiền lãi là 133.334 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 10.958 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **122.376** đồng). Số tiền gốc bà T còn nợ chưa trả là **9.333.334** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của bà T: 01 Chứng minh nhân dân số 241583534 mang tên Võ Thị Bích T; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy 021043 mang tên Hàn Thị B; 01 Giấy khai sinh số 73/2018 mang tên Châu Gia H và 01 giấy bán xe ngày 02/01/2019.

Người vay thứ 71: Ngày 14/12/2019, cho bà **Nguyễn Thị Thu T** (sinh năm 1972, trú tại: 63/36/383 Nguyễn Văn C, phường T, thành phố B) vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 500.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà T đã đóng tiền được 05 ngày với tổng số tiền là 3.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.500.000 đồng, tiền lãi là 500.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 54.790 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **445.210** đồng). Số tiền gốc bà T còn nợ chưa trả là **17.500.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C không giữ tài sản gì của bà T do trong quá trình trả nợ bà T đã mượn lại các giấy tờ đã đưa trước đó cho C.

Người vay thứ 72: Ngày 15/12/2019, cho bà **Huỳnh Ngọc H** (sinh năm 1961, trú tại: 233/9 Xô Viết Nghệ T, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm), 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng. Bà H đã đóng tiền được 05 ngày

với tổng số tiền là 750.000 đồng, trong đó tiền gốc là 625.000 đồng, tiền lãi là 125.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 13.698 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **111.303** đồng). Số tiền gốc bà H còn nợ chưa trả là **4.375.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C không giữ tài sản gì của bà H do trong quá trình trả nợ bà H đã mượn lại các giấy tờ đã đưa trước đó cho C.

Người vay thứ 73: Ngày 15/12/2019, cho anh **Phạm Nguyễn Ngọc S** (sinh năm 1994, trú tại: 60 Đinh Tiên H, phường T, thành phố B) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh S đã đóng tiền được 05 ngày với tổng số tiền là 750.000 đồng, trong đó tiền gốc là 625.000 đồng, tiền lãi là 125.000 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 13.698 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **111.303** đồng). Số tiền gốc anh S còn nợ chưa trả là **4.375.000** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C giữ của anh S: 01 Chứng minh nhân dân số 240553205 mang tên Phạm Vũ Đ.

Người vay thứ 74: Ngày 15/12/2019, cho ông **Nguyễn Đức P** (sinh năm 1977, trú tại: 18/04 Giải P, phường T, thành phố B) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm). Ông P đã đóng tiền được 02 ngày với tổng số tiền là 800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 666.667 đồng, tiền lãi là 133.334 đồng (tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 10.958 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là **122.376** đồng). Số tiền gốc ông P còn nợ chưa trả là **9.333.333** đồng. Khi cho vay tiền, Lê Mạnh C không giữ tài sản gì của ông P do trong quá trình trả nợ ông P đã mượn lại các giấy tờ đã đưa trước đó cho C.

Ngày 16/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phối hợp cùng Công an phường Tự An, tiến hành kiểm tra tại số nhà 130 đường Hùng V, phường T, thành phố B và phòng trọ số 16, là phòng của anh Nông Phúc T (sinh năm 2001, trú tại thôn 8, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông) thuộc dãy trọ ở địa chỉ số 134/05 đường Hùng V, phường T, thành phố B, phát hiện Phạm Xuân Q, Đỗ Văn D và nhiều tài liệu liên quan đến hoạt động cho vay tiền lãi nặng. Sau đó, Cơ quan điều tra tiếp tục triệu tập làm việc với Lê Mạnh C, Đỗ Văn S và tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với C, Q, D, S.

Khi bị Cơ quan Công an phát hiện hành vi cho vay lãi nặng thì bị cáo Phạm Xuân Q mang các giấy tờ, tài liệu của người vay tiền lãi nặng qua số nhà 132 đường Hùng V, phường T, thành phố B gặp và gửi nhờ chị Nguyễn Thị L (sinh năm 1987) mang để vào phòng trọ số 12 (là phòng trọ do Q thuê), ở dãy trọ, địa chỉ số 134/05 đường Hùng V, phường T, thành phố B. Sau đó, chị L mang các giấy tờ

trên đến phòng trọ số 12 nhưng do phòng tắt điện, không có ai nên chị L mang giấy tờ, tài liệu gửi ở phòng trọ số 16, là phòng trọ của anh Nông Phúc T.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự thì Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

$$\text{Lãi suất tính lãi (\% năm)} = \frac{\text{Số tiền lãi ngày} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Số dư thực tế}}$$

Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo Lê Mạnh C, Đỗ Văn S, Phạm Xuân Q và Đỗ Văn D cho 74 cá nhân vay với 92 lượt vay, tổng số tiền là **847.000.000** đồng, tổng số tiền lãi mà C đã thu lợi là **71.953.322** đồng (đã làm tròn số), tiền lãi theo quy định của pháp luật là **7.191.000** đồng (đã làm tròn số), như vậy C đã thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay trên với số tiền: **71.953.322** đồng – **7.724.294** đồng = **64.229.028** đồng, số tiền gốc C đã thu được từng người vay đã làm tròn số là **435.920.000** đồng, tổng số tiền gốc những người vay còn nợ của C là **411.080.000** đồng.

Đồ vật, tài liệu bị tạm giữ

Ngày 16/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột kiểm tra, phát hiện, tạm giữ tại số nhà 130 đường Hùng V, phường T, thành phố B, các tài sản gồm:

- 87 tờ Giấy vay tiền mặt có chữ ký của người vay tiền.
- 87 tờ Giấy thu tiền ghi thông tin của người vay tiền.
- 06 cuốn sổ bìa màu đen, trong đó 04 cuốn sổ không có nội dung gì, 01 cuốn sổ bên ngoài bìa ghi chữ Sổ thu chi bên trong có 29 trang ghi số và chữ có nội dung về chi tiêu tiền, 01 cuốn sổ bên ngoài bìa ghi chữ Sổ chính bên trong có 05 trang ghi số và chữ liên quan đến hoạt động cho vay tiền.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 40A8028102.
- 01 Thẻ ATM ngân hàng Agribank và 01 Thẻ ATM ngân hàng Vietcombank đều mang tên Lê Mạnh C.
- 01 Chứng minh nhân dân số 031088002340 mang tên Lê Mạnh C.
- 01 Hợp đồng thuê nhà ở.
- 02 tờ giấy ghi các chữ và số thể hiện nội dung thu chi hàng ngày.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA 1034 màu đen, có gắn sim 0931187366, số seri 1: 355812098584641, số seri 2: 3555813098584649.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng biển số 48D1-261.85.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng biển số 47L1-244.96.

và tạm giữ tại phòng trọ số 16 của dãy trọ ở địa chỉ số 134/05 đường Hùng V, phường T, thành phố B, gồm:

- 01 sổ Hộ khẩu số L-615 mang tên Phạm Thị T.

- 01 Thẻ hội viên số 02753 mang tên Nguyễn Thị T.

- 01 Hộ chiếu số B7304925 mang tên Quách Thị Y.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 048158 mang tên Lê Thị P và 01 sổ Hộ khẩu.

- 01 sổ Hộ khẩu số D-3552 chủ hộ là Đồng Văn N.

- 01 Chứng minh nhân dân số 241058528 mang tên Trần Nhật L.

- 01 sổ Hộ khẩu số D-7415, tên chủ hộ là Phạm Thị Thu S.

- 01 Chứng minh nhân dân số 240385558 mang tên Nguyễn Thị Kim V.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 005352 mang tên Phạm Thị O.

- 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 059544 mang tên Xa Thị S và 01 Chứng minh nhân dân số 241127481 mang tên Xa Thị S.

- 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên người mua Lã Thị Ái K, 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40A8017106, 01 Giấy khai sinh số 384 mang tên Nguyễn Hoàng T.

- 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 002290 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch đầu tư cấp.

- 01 Chứng minh nhân dân số 241210809 mang tên Lương Thị Bích V.

- 01 sổ Hộ khẩu số D-2015 chủ hộ là Hà Xuân H.

- 01 Giấy phép lái xe số AE 388983 mang tên Nguyễn Nhật N.

- 01 Giấy khai sinh số 315/2015 mang tên Đỗ Nguyễn Mỹ D, 01 sổ Hộ khẩu bản sao y số I-1999 chủ hộ Đỗ Công T và 01 Đăng ký xe mô tô, xe máy số A0069687 mang tên Đỗ Tiên V.

- 01 Giấy khai sinh số 304/2017 mang tên Nguyễn Thị Kim N.

- 01 sổ Hộ khẩu số M-1508 do Đinh Công Q làm chủ hộ và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241109334 mang tên Quách Thị T.
- 01 sổ Hộ khẩu số M-5694, chủ hộ là Đinh Thị Mai L; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240569611 mang tên Đinh Thị Mai L và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy mang tên Đinh Thị Mai L.
- 01 Chứng minh nhân dân số 24015391 mang tên Nguyễn Quang V.
- 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 047629.
- 01 sổ Hộ khẩu số T2132 chủ hộ Nguyễn Thị H và 01 Giấy phép lái xe số AR131485 mang tên Phạm Thị Thu N.
- 01 sổ Hộ khẩu số D477, tên chủ hộ là Trần Thị T và 01 Chứng minh nhân dân số 240227279 mang tên Trần Thị T.
- 01 Giấy phép lái xe số 660146020197, 01 Chứng minh nhân dân số 261084210, 01 Thẻ đoàn viên số V127916 tất cả đều mang tên Lý Thanh V và 01 Giấy khai sinh số 30/2013 mang tên Lý Uyển N.
- 01 Chứng minh nhân dân photo số 240796964 mang tên H T Êban và 01 Giấy khai sinh bản chính số 216 mang tên Lê Đức T ÊBan.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 026278 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/6/2010.
- 01 Chứng minh nhân dân số 240765181 mang tên Nguyễn Đăng T.
- 01 Giấy khai sinh số 718/2019 mang tên Hồ Hoàng A.
- 01 sổ Hộ khẩu số K-3551, chủ hộ tên là Lê Văn L và 01 Giấy khai sinh số 136 mang tên Trần Nhã K.
- 01 Giấy khai sinh số 174/2015 của Nguyễn Hà Hoài N; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 014620; 01 Giấy phép lái xe số Z656628 và 01 Chứng minh nhân dân bản photo số 211676629 mang tên Hà Thị Thu H.
- 01 sổ Hộ khẩu bản sao y số 160500622, tên chủ hộ là Nguyễn Phi L.
- 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số A0104029; A0083763 đều mang tên Trần Thị H.
- 01 Hộ chiếu số B6303615 mang tên Nguyễn Thị Thu C.
- 01 Chứng minh nhân dân số 2418827 mang tên Lê Thị Hoàng M; 01 sổ hộ khẩu photo số B-3671, tên chủ hộ là Lương Thị H; 01 Chứng minh nhân dân photo

tô số 240018161 mang tên Lương Thị H và 01 chứng minh nhân dân phô tô số 2400756842 mang tên Lê Văn N.

- 01 Giấy báo tiền nước.
- 01 Chứng minh nhân dân số 240579180 mang tên Hoàng Thúy N.
- 01 Giấy đăng ký khai sinh bản gốc số 266 mang tên Bùi Lê Cát T.
- 01 Giấy phép lái xe số 661037815601 mang tên Vương Trần Nhã T.
- 01 sổ Hộ khẩu số T-5293, chủ hộ là Trần Đông H.
- 01 sổ Hộ khẩu số T730, chủ hộ là Nguyễn Thị T.
- 01 sổ Hộ khẩu số B-3009, chủ hộ là Huỳnh Minh T và 01 Chứng minh nhân dân photo số 240624524 mang tên Huỳnh Minh T.
- 01 Phiếu thu tiền điện và 01 Giấy báo cước dịch vụ viễn thông số 11420876.
- 01 sổ Hộ khẩu số D6054, chủ hộ là Nguyễn Thị Y; 01 Giấy chứng nhận; 01 Giấy khai sinh số 175 mang tên Nguyễn Minh T; 01 Đơn xin việc làm; 01 Sơ yếu lý lịch, 01 Chứng minh nhân dân bản phô tô số 241180203 và 01 Giấy phép lái xe bản phô tô số 660197008313.
- 01 sổ Hộ khẩu số B-2122, chủ hộ là Dương Thị T.
- 01 Giấy đăng ký mô tô xe máy số 047636 mang tên Nguyễn Tuấn V.
- 01 Chứng minh nhân dân số 241034616 mang tên Phún Thị Kim A và 01 Giấy khai sinh số 350/2017 mang tên Cao Khánh T.
- 01 sổ Hộ khẩu số V-4319 chủ hộ tên Trương Khánh T.
- 01 Giấy khai sinh số 11/2014 mang tên Lâm Thị H; 01 Giấy khai sinh số 206 mang tên Nguyễn Hoàng A.
- 01 Chứng minh nhân dân mang tên H' N Knul và 01 sổ Hộ khẩu chủ hộ H' L Knul.
- 01 Giấy khai sinh số 579/2019 mang tên Nguyễn Thị Thùy T.
- 01 sổ Hộ khẩu số D-6281, chủ hộ là Phạm Minh S và 01 Chứng minh nhân dân số 240854488 mang tên Phạm Minh S.
- 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010790 chủ xe Phan Thị A.
- 01 Giấy xác nhận nhân thân.
- 01 Giấy phép lái xe số E706775 mang tên Nguyễn Hoàng Như L.

- 01 Chứng minh nhân dân số 241421090; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 067149 tất cả đều mang tên Trương Hữu C và 01 Giấy khai sinh bản chính số 342 mang tên Nguyễn Ngọc Khánh A.

- 01 Giấy khai sinh số 97 mang tên Trần Ngọc Gia H.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028697 và 01 Giấy phép lái xe số 661087002419.

- 01 Chứng minh nhân dân số 241484019 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H.

- 01 Giấy chứng nhận đại biểu hội đồng nhân dân; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240237393 tất cả đều mang tên Nguyễn Thanh H; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 061482 mang tên Phạm Ngọc H, 01 sổ Hộ khẩu phổ thông bản sao y số L-1134 chủ hộ Hoàng Thị Bảo H.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241682594; 01 Thẻ bảo hiểm y tế mã số GD 4 66 662 251 7444 tất cả đều mang tên Tô Thị Phương T; 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2019 do Ủy ban nhân dân phường Ea Tam cấp ngày 06/8/2019.

- 01 Giấy phép lái xe số 660107810113 và 01 Chứng minh nhân dân số 241154820 tất cả đều mang tên Lê Văn T.

- 01 sổ Hộ khẩu số L-7092, chủ hộ là Lê Minh H và 01 Chứng minh nhân dân số 240647591 mang tên Lê Thị T.

- 01 Chứng minh nhân dân số 241583534 mang tên Võ Thị Bích T; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy 021043 mang tên Hàn Thị B; 01 Giấy khai sinh số 73/2018 mang tên Châu Gia H và 01 giấy bán xe ngày 02/01/2019.

- 01 Chứng minh nhân dân số 240553205 mang tên Phạm Vũ Đ.

Tại Cáo trạng số 218/CT-VKS -TPBMT ngày 13/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn D và Đỗ Văn S, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn D và Đỗ Văn S, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị:

- Về hình phạt: Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36 điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt:

1. Bị cáo Lê Mạnh C từ 24 (Hai bốn) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ.

2. Bị cáo Phạm Xuân Q từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (Hai bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

3. Bị cáo Đỗ Văn D từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (Hai bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

4. Bị cáo Đỗ văn S từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (Hai bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn S và Đỗ Văn D trong thời gian chấp hành hình phạt mỗi bị cáo từ 300.000đ đến 600.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền các bị cáo Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn S và Đỗ Văn D mỗi bị cáo từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại 01 xe mô tô biển số 48D1-261.85 cho anh Nguyễn Văn L và 01 xe mô tô biển số 47L1-244.96 cho anh Phạm Hải N, là các chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA 1034 màu đen, có gắn sim 0931187366, số seri 1: 355812098584641, số seri 2: 3555813098584649, là công cụ mà các bị cáo Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn S và Đỗ Văn D sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án các tài liệu gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 02 tờ giấy liên quan đến hoạt động cho vay tiền và hợp đồng thuê nhà; 87 tờ Giấy vay tiền mặt có chữ ký của người vay tiền và 87 tờ Giấy thu tiền ghi thông tin của người vay tiền; 01 cuốn sổ bên ngoài bìa ghi chữ Sổ thu chi bên trong có 29 trang ghi số và chữ có nội dung về chi tiêu tiền, 01 cuốn sổ bên ngoài bìa ghi chữ Sổ chính bên trong có 05 trang ghi số và chữ liên quan đến hoạt động cho vay tiền lãi nặng của bị can Lê Mạnh C cùng đồng bọn.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Lê Mạnh C, số tiền **435.920.000** đồng (tiền gốc do người vay đã trả) và số tiền **7.191.000** đồng tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%);

*** Trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp nhận sử dụng các tài liệu, gồm:**

- Trả cho chị Trần Thị Ngọc A 01 sổ Hộ khẩu số L-615 mang tên Phạm Thị T.
- Trả cho bà Nguyễn Thị T 01 Thẻ hội viên số 02753 mang tên Nguyễn Thị T.
- Trả cho bà Quách Thị Y 01 Hộ chiếu số B7304925 mang tên Quách Thị Y.
- Trả cho chị Lê Thị P 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 048158 mang tên Lê Thị P và 01 sổ Hộ khẩu.
- Trả cho bà Phạm Thị Ngọc A 01 sổ Hộ khẩu số D-3552 chủ hộ là Đồng Văn N.
- Trả cho anh Trần Nhật L 01 Chứng minh nhân dân số 241058528 mang tên Trần Nhật L.
- Trả cho bà Phạm Thị Thu S 01 sổ Hộ khẩu số D-7415, tên chủ hộ là Phạm Thị Thu S.
- Trả cho bà Nguyễn Thị Kim V 01 Chứng minh nhân dân số 240385558 mang tên Nguyễn Thị Kim V.
- Trả cho bà Nguyễn Thị Minh L 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 005352 mang tên Phạm Thị O.
- Trả cho bà Xa Thị S 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 059544 mang tên Xa Thị S và 01 Chứng minh nhân dân số 241127481 mang tên Xa Thị SSim.
- Trả cho bà Lã Thị Ái K 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên người mua Lã Thị Ái K, 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40A8017106, 01 Giấy khai sinh số 384 mang tên Nguyễn Hoàng T.
- Trả cho ông Cao Thanh P 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 002290 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch đầu tư cấp.
- Trả cho chị Lương Thị Bích V 01 Chứng minh nhân dân số 241210809 mang tên Lương Thị Bích V.
- Trả cho bà Trần Thị Kim H 01 sổ Hộ khẩu số D-2015 chủ hộ là Hà Xuân H.
- Trả cho anh Nguyễn Nhật N 01 Giấy phép lái xe số AE 388983 mang tên Nguyễn Nhật N.

- Trả cho bà Nguyễn Lệ H 01 Giấy khai sinh số 315/2015 mang tên Đỗ Nguyễn Mỹ D, 01 sổ Hộ khẩu bản sao y số I-1999 chủ hộ Đỗ Công T và 01 Đăng ký xe mô tô, xe máy số A0069687 mang tên Đỗ Tiến V.

- Trả cho anh Nguyễn Văn T 01 Giấy khai sinh số 304/2017 mang tên Nguyễn Thị Kim N.

- Trả cho chị Đinh Thị Thanh T 01 sổ Hộ khẩu số M-1508 do Đinh Công Q làm chủ hộ và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241109334 mang tên Quách Thị T.

- Trả cho chị Đinh Thị Mai L 01 sổ Hộ khẩu số M-5694, chủ hộ là Đinh Thị Mai L; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240569611 mang tên Đinh Thị Mai L và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy mang tên Đinh Thị Mai L.

- Trả cho ông Nguyễn Quang V 01 Chứng minh nhân dân số 24015391 mang tên Nguyễn Quang V.

- Trả cho anh Dương Văn H 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 047629.

- Trả cho chị Phạm Thị Thu N 01 sổ Hộ khẩu số T2132 chủ hộ Nguyễn Thị H và 01 Giấy phép lái xe số AR131485 mang tên Phạm Thị Thu N.

- Trả cho bà Trần Thị T 01 sổ Hộ khẩu số D477, tên chủ hộ là Trần Thị T và 01 Chứng minh nhân dân số 240227279 mang tên Trần Thị T.

- Trả cho anh Lý Thanh V 01 Giấy phép lái xe số 660146020197, 01 Chứng minh nhân dân số 261084210, 01 Thẻ đoàn viên số V127916 tất cả đều mang tên Lý Thanh V và 01 Giấy khai sinh số 30/2013 mang tên Lý Uyển N.

- Trả cho chị H' T Êban 01 Chứng minh nhân dân pho tô số 240796964 mang tên H T Êban và 01 Giấy khai sinh bản chính số 216 mang tên Lê Đức T ÊBan.

- Trả cho chị Nguyễn Thị Hồng T 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 026278 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/6/2010.

- Trả cho chị Phạm Thị Thanh T 01 Chứng minh nhân dân số 240765181 mang tên Nguyễn Đăng T.

- Trả cho bà Vũ Thị H 01 Giấy khai sinh số 718/2019 mang tên Hồ Hoàng A.

- Trả cho chị Lê Thị Kim P 01 sổ Hộ khẩu số K-3551, chủ hộ tên là Lê Văn L và 01 Giấy khai sinh số 136 mang tên Trần Nhã K.

- Trả cho bà Hà Thị Thu H 01 Giấy khai sinh số 174/2015 của Nguyễn Hà Hoài N; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 014620; 01 Giấy phép lái xe số Z656628 và 01 Chứng minh nhân dân bản phôi số 211676629 mang tên Hà Thị Thu H.

- Trả cho ông Nguyễn Phi L 01 sổ Hộ khẩu bản sao y số 160500622, tên chủ hộ là Nguyễn Phi L.

- Trả cho bà Trần Thị H 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số A0104029; A0083763 đều mang tên Trần Thị H.

- Trả cho bà Nguyễn Thị Thu C 01 Hộ chiếu số B6303615 mang tên Nguyễn Thị Thu C.

- Trả cho bà Lương Thị H 01 Chứng minh nhân dân số 2418827 mang tên Lê Thị Hoàng M; 01 sổ hộ khẩu phôi số B-3671, tên chủ hộ là Lương Thị H; 01 Chứng minh nhân dân phôi số 240018161 mang tên Lương Thị H và 01 chứng minh nhân dân phôi số 2400756842 mang tên Lê Văn N.

- Trả cho bà Thái Thị Thu H 01 Giấy báo tiền nước.

- Trả cho bà Hoàng Thúy N 01 Chứng minh nhân dân số 240579180 mang tên Hoàng Thúy N.

- Trả cho chị Lê Vũ Thùy T 01 Giấy đăng ký khai sinh bản gốc số 266 mang tên Bùi Lê Cát T.

- Trả cho anh Vương Trần Nhã T 01 Giấy phép lái xe số 661037815601 mang tên Vương Trần Nhã T.

- Trả cho anh Trần Đông H 01 sổ Hộ khẩu số T-5293, chủ hộ là Trần Đông H.

- Trả cho bà Phạm Thị Ngọc G 01 sổ Hộ khẩu số T730, chủ hộ là Nguyễn Thị T.

- Trả cho anh Huỳnh Minh T 01 sổ Hộ khẩu số B-3009, chủ hộ là Huỳnh Minh T và 01 Chứng minh nhân dân photo số 240624524 mang tên Huỳnh Minh T.

- Trả cho bà Đặng Thị N 01 Phiếu thu tiền điện và 01 Giấy báo cước dịch vụ viễn thông số 11420876.

- Trả cho anh Nguyễn Trung H 01 sổ Hộ khẩu số D6054, chủ hộ là Nguyễn Thị Y; 01 Giấy chứng nhận; 01 Giấy khai sinh số 175 mang tên Nguyễn Minh T;

01 Đơn xin việc làm; 01 Sơ yếu lý lịch, 01 Chứng minh nhân dân bản photo số 241180203 và 01 Giấy phép lái xe bản photo số 660197008313.

- Trả cho bà Dương Thị T 01 sổ Hộ khẩu số B-2122, chủ hộ là Dương Thị T.

- Trả cho anh Nguyễn T 01 Giấy đăng ký mô tô xe máy số 047636 mang tên Nguyễn Tuấn V.

- Trả cho chị Phún Thị Kim A 01 Chứng minh nhân dân số 241034616 mang tên Phún Thị Kim A và 01 Giấy khai sinh số 350/2017 mang tên Cao Khánh T.

- Trả cho ông Trương Khánh T 01 sổ Hộ khẩu số V-4319 chủ hộ tên Trương Khánh T.

- Trả cho chị Lâm Thị H 01 Giấy khai sinh số 11/2014 mang tên Lâm Thị H; 01 Giấy khai sinh số 206 mang tên Nguyễn Hoàng A.

- Trả cho chị H' N Knul 01 Chứng minh nhân dân mang tên H' N Knul và 01 sổ Hộ khẩu chủ hộ H' L Knul.

- Trả cho bà Trần Thị L 01 Giấy khai sinh số 579/2019 mang tên Nguyễn Thị Thùy T.

- Trả cho ông Phạm Minh S 01 sổ Hộ khẩu số D-6281, chủ hộ là Phạm Minh S và 01 Chứng minh nhân dân số 240854488 mang tên Phạm Minh S.

- Trả cho bà Phan Thị A 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010790 chủ xe Phan Thị A.

- Trả cho anh Đoàn Quân T 01 Giấy xác nhận nhân thân.

- Trả cho anh Nguyễn Hoàng Như L 01 Giấy phép lái xe số E706775 mang tên Nguyễn Hoàng Như L.

- Trả cho bà Nguyễn Thị V 01 Chứng minh nhân dân số 241421090; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 067149 tất cả đều mang tên Trương Hữu C và 01 Giấy khai sinh bản chính số 342 mang tên Nguyễn Ngọc Khánh A.

- Trả cho chị Phạm Thị Ngọc Y 01 Giấy khai sinh số 97 mang tên Trần Ngọc Gia H.

- Trả cho chị Trần Thị Bích T 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028697 và 01 Giấy phép lái xe số 661087002419.

- Trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H 01 Chứng minh nhân dân số 241484019 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H.

- Trả cho ông Nguyễn Thanh H 01 Giấy chứng nhận đại biểu hội đồng nhân dân; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240237393 tất cả đều mang tên Nguyễn Thanh H; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 061482 mang tên Phạm Ngọc H, 01 sổ Hộ khẩu phổ thông bản sao y số L-1134 chủ hộ Hoàng Thị Bảo H.

- Trả cho chị Tô Thị Phương T 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241682594; 01 Thẻ bảo hiểm y tế mã số GD 4 66 662 251 7444 tất cả đều mang tên Tô Thị Phương T; 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2019 do Ủy ban nhân dân phường E cấp ngày 06/8/2019.

- Trả cho anh Lê Văn T 01 Giấy phép lái xe số 660107810113 và 01 Chứng minh nhân dân số 241154820 tất cả đều mang tên Lê Văn T.

- Trả cho bà Lê Thị T 01 sổ Hộ khẩu số L-7092, chủ hộ là Lê Minh H và 01 Chứng minh nhân dân số 240647591 mang tên Lê Thị T.

- Trả cho bà Ngô Thị Thu T 01 Chứng minh nhân dân số 241583534 mang tên Võ Thị Bích T; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy 021043 mang tên Hàn Thị B; 01 Giấy khai sinh số 73/2018 mang tên Châu Gia H và 01 giấy bán xe ngày 02/01/2019.

- Trả cho anh Phạm Nguyễn Ngọc S 01 Chứng minh nhân dân số 240553205 mang tên Phạm Vũ Đ.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Lê Mạnh C trả lại số tiền **64.229.028** đồng đã thu lợi bất chính cho những người vay tiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Trả cho bà Trần Thị Ngọc A số tiền 779.118 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 356.168 đồng
- Trả cho bà Quách Thị Y số tiền 997.270 đồng
- Trả cho chị Lê Thị P số tiền 1.656.181 đồng
- Trả cho bà Phạm Thị Ngọc A số tiền 801.378 đồng
- Trả cho anh Trần Nhật L số tiền 122.378 đồng
- Trả cho bà Phạm Thị Thu S số tiền 3.917.848 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị Kim V số tiền 507.539 đồng
- Trả cho chị Nguyễn Thị Minh L số tiền 111.303 đồng
- Trả cho bà Xa Thị S số tiền là 3.031.880 đồng
- Trả cho bà Lã Thị Ái K số tiền 921.585 đồng

- Trả cho ông Cao Thanh P số tiền 6.366.503 đồng
- Trả cho bà Đinh Thị Đ số tiền 712.336 đồng
- Trả cho chị Lương Thị Bích V số tiền 465.722 đồng
- Trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền 903.776 đồng
- Trả cho chị Nguyễn Thị Kim P số tiền 872.612 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Nhật N số tiền 801.379 đồng
- Trả cho chị Nguyễn Lệ H số tiền 1.202.067 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 44.521 đồng
- Trả cho chị Đinh Thị Thanh T số tiền 667.815 đồng
- Trả cho chị Đinh Thị Mai L số tiền 623.294 đồng
- Trả cho ông Nguyễn Quang V số tiền 809.597 đồng
- Trả cho anh Dương Văn H số tiền 1.202.067 đồng
- Trả cho chị Phạm Thị Thu N số tiền 511.992 đồng
- Trả cho bà Trần Thị T số tiền 694.528 đồng
- Trả cho anh Lý Thanh V số tiền 489.731 đồng
- Trả cho chị H' T Ê Ban số tiền 2.137.080 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 934.941 đồng
- Trả cho chị Phạm Thị Thanh T số tiền 356.168 đồng
- Trả cho bà Vũ Thị H số tiền 801.379 đồng
- Trả cho chị Lê Thị Kim P số tiền 867.819 đồng
- Trả cho chị Hà Thị Thu H số tiền 611.880 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Phi L số tiền 890.420 đồng
- Trả cho bà Trần Thị H số tiền 2.047.966 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị Thu C số tiền 1.602.756 đồng
- Trả cho bà Lương Thị H số tiền 776.145 đồng
- Trả cho bà Thái Thị Thu H số tiền 1.424.672 đồng
- Trả cho bà Hoàng Thúy N số tiền 1.291.109 đồng
- Trả cho chị Lê Vũ Thùy T số tiền 1.807.537 đồng
- Trả cho anh Vương Trần Nhã T số tiền 1.291.109 đồng

- Trả cho anh Trần Đông H số tiền 520.090 đồng
- Trả cho chị Phạm Thị Ngọc G số tiền 333.908 đồng
- Trả cho anh Huỳnh Minh T số tiền 1.001.723 đồng
- Trả cho bà Đặng Thị N số tiền 3.602.045 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Trung H số tiền 267.126 đồng
- Trả cho anh Lê Văn M số tiền 333.908 đồng
- Trả cho bà Dương Thị T số tiền 673.058 đồng
- Trả cho anh Nguyễn T số tiền 311.647 đồng
- Trả cho chị Phún Thị Kim A số tiền 333.908 đồng
- Trả cho anh Trương Khánh T số tiền 1.892.143 đồng
- Trả cho bà H' D Niê số tiền 445.210 đồng
- Trả cho chị Lâm Thị H số tiền 405.141 đồng
- Trả cho chị H' N Knul số tiền 289.387 đồng
- Trả cho chị Trần Thị Ngọc D số tiền 244.866 đồng
- Trả cho bà Trần Thị L số tiền 489.731 đồng
- Trả cho anh Phạm Minh S số tiền 534.252 đồng
- Trả cho bà Phan Thị A số tiền 133.563 đồng
- Trả cho anh Đoàn Quân T số tiền 213.701 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Hoàng Như L số tiền 400.689 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 311.647 đồng
- Trả cho chị Phạm Thị Ngọc Y số tiền 218.153 đồng
- Trả cho chị Trần Thị Bích T số tiền 373.976 đồng
- Trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 195.803 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 534.252 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 400.689 đồng
- Trả cho chị Tô Thị Phương T số tiền 178.084 đồng
- Trả cho anh Lê Văn T số tiền 2.019.194 đồng
- Trả cho chị Lê Thị T số tiền 222.605 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 24.474 đồng

- Trả cho bà Ngô Thị Thu T số tiền 122.376 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 445.210 đồng
- Trả cho bà Huỳnh Ngọc H số tiền 111.303 đồng
- Trả cho anh Phạm Nguyễn Ngọc S số tiền 111.303 đồng
- Trả cho ông Nguyễn Đức P số tiền 122.376 đồng

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền **411.080.000** đồng nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo Lê Mạnh C để nộp sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Bà Trần Thị Ngọc A số tiền 625.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị T số tiền 2.000.000 đồng
- Bà Quách Thị Y số tiền 1.400.000 đồng
- Chị Lê Thị Phượng số tiền 2.700.000 đồng
- Bà Phạm Thị Ngọc A số tiền 1.500.000 đồng
- Anh Trần Nhật L tổng số tiền cả 02 lần vay là 4.333.667 đồng
- Bà Phạm Thị Thu S tổng số tiền 02 lần vay là 3.000.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị Kim V số tiền 3.150.000 đồng
- Chị Nguyễn Thị Minh L số tiền 4.375.000 đồng
- Bà Xa Thị S tổng số tiền là 975.000 đồng
- Bà Lã Thị Ái K tổng số tiền 02 lần vay là 6.825.000 đồng
- Ông Cao Thanh P tổng số tiền 02 lần vay là 34.250.000 đồng
- Bà Đinh Thị Đ số tiền 1.000.000 đồng
- Chị Lương Thị Bích V số tiền 416.677 đồng
- Bà Trần Thị Kim H số tiền 1.925.000 đồng
- Chị Nguyễn Thị Kim P số tiền 2.100.000 đồng
- Anh Nguyễn Nhật N tổng số tiền 02 lần vay là 5.500.000 đồng
- Chị Nguyễn Lệ H số tiền 3.250.000 đồng
- Anh Nguyễn Văn T số tiền 4.750.000 đồng
- Chị Đinh Thị Thanh T số tiền 6.250.000 đồng
- Chị Đinh Thị Mai L số tiền 1.500.000 đồng

- Ông Nguyễn Quang V số tiền 3.500.000 đồng
- Anh Dương Văn H số tiền 3.250.000 đồng
- Chị Phạm Thị Thu N số tiền 2.125.000 đồng
- Bà Trần Thị T số tiền 2.100.000 đồng
- Anh Lý Thanh V số tiền 2.250.000 đồng
- Chị H' T Ê Ban số tiền 8.000.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 4.750.000 đồng
- Chị Phạm Thị Thanh T số tiền 3.000.000 đồng
- Bà Vũ Thị H số tiền 5.500.000 đồng
- Chị Lê Thị Kim P số tiền 15.250.000 đồng
- Chị Hà Thị Thu H số tiền 6.666.670 đồng
- Anh Nguyễn Phi L số tiền 5.000.000 đồng
- Bà Trần Thị H số tiền 18.500.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị Thu C số tiền 11.000.000 đồng
- Bà Lương Thị H số tiền 5.708.342 đồng
- Bà Thái Thị Thu H số tiền 12.000.000 đồng
- Bà Hoàng Thúy N số tiền 2.750.000 đồng
- Chị Lê Vũ Thùy T số tiền 3.850.000 đồng
- Anh Vương Trần Nhã T số tiền 2.750.000 đồng
- Anh Trần Đông H số tiền 2.166.678 đồng
- Chị Phạm Thị Ngọc G số tiền 3.125.000 đồng
- Anh Huỳnh Minh T số tiền 9.375.000 đồng
- Bà Đặng Thị N số tiền 57.466.672 đồng
- Anh Nguyễn Trung H số tiền 8.500.000 đồng
- Anh Lê Văn M số tiền 3.125.000 đồng
- Bà Dương Thị T số tiền 6.333.348 đồng
- Anh Nguyễn T số tiền 3.250.000 đồng
- Chị Phún Thị Kim A số tiền 3.125.000 đồng
- Anh Trương Khánh T số tiền 4.375.000 đồng

- Bà H' D Niê số tiền 2.500.000 đồng
- Chị Lâm Thị H số tiền 4.725.000 đồng
- Chị H' N Knul số tiền 3.375.000 đồng
- Chị Trần Thị Ngọc D số tiền 3.625.000 đồng
- Bà Trần Thị L số tiền 7.250.000 đồng
- Anh Phạm Minh S số tiền 7.000.000 đồng
- Bà Phan Thị A số tiền 4.250.000 đồng
- Anh Đoàn Quân T số tiền 6.800.000 đồng
- Anh Nguyễn Hoàng Như L số tiền 7.750.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị V số tiền 8.250.000 đồng
- Chị Phạm Thị Ngọc Y số tiền 5.775.000 đồng
- Chị Trần Thị Bích T số tiền 9.900.000 đồng
- Chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 2.933.336 đồng
- Anh Nguyễn Thanh H số tiền 12.000.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị T số tiền 12.750.000 đồng
- Chị Tô Thị Phương T số tiền 9.000.000 đồng
- Anh Lê Văn T số tiền 9.000.000 đồng
- Chị Lê Thị T số tiền 8.750.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.866.668 đồng
- Bà Ngô Thị Thu T số tiền 9.333.334 đồng
- Bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 17.500.000 đồng
- Bà Huỳnh Ngọc H số tiền 4.375.000 đồng
- Anh Phạm Nguyễn Ngọc S số tiền 4.375.000 đồng
- Ông Nguyễn Đức P số tiền 9.333.333 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn S và Đỗ Văn D không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên. Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Từ ngày 17/9/2019 đến ngày 16/12/2019 tại địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn S và Đỗ Văn D đã cho 74 cá nhân vay tiền tương ứng với 92 lượt vay với tổng số tiền gốc cho vay là **847.000.000** đồng, thu lãi vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ Luật dân sự quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là **64.229.028** đồng.

Việc cho vay, bị cáo C tự đặt ra mức lãi suất từ 182,5% đến 521,429%/năm (gấp 9,125 đến 26,07 lần so với lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà nhà nước quy định là 20%/năm được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015). Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Bản Cáo trạng số 218/CT-VKSTP.BMT ngày 13/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột truy tố đối với bị cáo Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn D và Đỗ Văn S, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”

[3] Hành vi của các bị cáo tuy đơn giản nhưng nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà hành vi của các bị cáo còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đúng; gây bất bình trong quần

chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Các bị cáo đều là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được pháp luật; biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo C tự đặt ra mức lãi suất từ 182,5% đến 521,429%/năm, cao gấp 09,125 - 26,07 lần so với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm được quy định trong Bộ luật Dân sự. Đồng thời bị cáo đã thu lợi bất chính tổng số tiền 64.229.028 đồng. Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột nói riêng và cả nước nói chung nên cần phải xử lý nghiêm để các bị cáo có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt sau này cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án là khác nhau nên cần phân hóa vai trò, nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

Đối với bị cáo Lê Mạnh C, bị cáo là người có vai trò chính trong vụ án, số tiền cho vay là của bị cáo, mức lãi suất do bị cáo đặt ra và số tiền thu lợi bất chính cũng do bị cáo quản lý sử dụng, các bị cáo khác phải làm theo sự điều khiển của bị cáo. Vì vậy, mức án đối với bị cáo cũng phải cao hơn so với các bị cáo khác là phù hợp.

Đối với các bị cáo Phạm Xuân Q, Đỗ Văn S và Đỗ Văn D các bị cáo tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo C. Các bị cáo đều nhận thức được việc cho vay nặng lãi bị pháp luật nghiêm cấm. Tuy nhiên, khi bị cáo C thuê giúp việc cho C các bị cáo chẳng những không ngăn cản mà còn đồng ý và giúp sức tích cực cho C trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cũng phải có mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo nhưng thấp hơn so với bị cáo C là phù hợp.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình tố tụng và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5]. Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự đối với các bị cáo. Xét thấy: Các bị cáo cho vay với mức lãi suất cao để thu lợi bất chính từ việc cho vay, xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo mức án cải tạo không giam giữ và khấu trừ thu nhập của các bị cáo trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo là lao động phổ thông nên Hội đồng xét xử khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, đối với bị cáo C là 500.000đồng/tháng, các bị cáo Q, D, S mỗi bị cáo 300.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo cho vay lãi nặng và thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về biện pháp tư pháp và vật chứng:

[7.1] Truy thu của bị cáo Lê Mạnh C số tiền **435.920.000** đồng tiền gốc người vay đã trả; Số tiền **7.191.000** đồng tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) nộp sung ngân sách Nhà nước;

Quá trình điều tra đã xác định, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo C nhưng hiện chưa trả cho bị cáo với tổng số tiền là **411.080.000đ**. Đây là số tiền bị cáo C dùng vào việc phạm tội nên buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Bà Trần Thị Ngọc A số tiền 625.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị T số tiền 2.000.000 đồng
- Bà Quách Thị Y số tiền 1.400.000 đồng
- Chị Lê Thị Phượng số tiền 2.700.000 đồng
- Bà Phạm Thị Ngọc A số tiền 1.500.000 đồng
- Anh Trần Nhật L tổng số tiền cả 02 lần vay là 4.333.667 đồng
- Bà Phạm Thị Thu S tổng số tiền 02 lần vay là 3.000.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị Kim V số tiền 3.150.000 đồng
- Chị Nguyễn Thị Minh L số tiền 4.375.000 đồng
- Bà Xa Thị S tổng số tiền là 975.000 đồng

- Bà Lã Thị Ái K tổng số tiền 02 lần vay là 6.825.000 đồng
- Ông Cao Thanh P tổng số tiền 02 lần vay là 34.250.000 đồng
- Bà Đinh Thị Đ số tiền 1.000.000 đồng
- Chị Lương Thị Bích V số tiền 416.677 đồng
- Bà Trần Thị Kim H số tiền 1.925.000 đồng
- Chị Nguyễn Thị Kim P số tiền 2.100.000 đồng
- Anh Nguyễn Nhật N tổng số tiền 02 lần vay là 5.500.000 đồng
- Chị Nguyễn Lệ H số tiền 3.250.000 đồng
- Anh Nguyễn Văn T số tiền 4.750.000 đồng
- Chị Đinh Thị Thanh T số tiền 6.250.000 đồng
- Chị Đinh Thị Mai L số tiền 1.500.000 đồng
- Ông Nguyễn Quang V số tiền 3.500.000 đồng
- Anh Dương Văn H số tiền 3.250.000 đồng
- Chị Phạm Thị Thu N số tiền 2.125.000 đồng
- Bà Trần Thị T số tiền 2.100.000 đồng
- Anh Lý Thanh V số tiền 2.250.000 đồng
- Chị H' T Ê Ban số tiền 8.000.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 4.750.000 đồng
- Chị Phạm Thị Thanh T số tiền 3.000.000 đồng
- Bà Vũ Thị H số tiền 5.500.000 đồng
- Chị Lê Thị Kim P số tiền 15.250.000 đồng
- Chị Hà Thị Thu H số tiền 6.666.670 đồng
- Anh Nguyễn Phi L số tiền 5.000.000 đồng
- Bà Trần Thị H số tiền 18.500.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị Thu C số tiền 11.000.000 đồng
- Bà Lương Thị H số tiền 5.708.342 đồng
- Bà Thái Thị Thu H số tiền 12.000.000 đồng
- Bà Hoàng Thúy N số tiền 2.750.000 đồng
- Chị Lê Vũ Thùy T số tiền 3.850.000 đồng

- Anh Vương Trần Nhã T số tiền 2.750.000 đồng
- Anh Trần Đông H số tiền 2.166.678 đồng
- Chị Phạm Thị Ngọc G số tiền 3.125.000 đồng
- Anh Huỳnh Minh T số tiền 9.375.000 đồng
- Bà Đặng Thị N số tiền 57.466.672 đồng
- Anh Nguyễn Trung H số tiền 8.500.000 đồng
- Anh Lê Văn M số tiền 3.125.000 đồng
- Bà Dương Thị T số tiền 6.333.348 đồng
- Anh Nguyễn T số tiền 3.250.000 đồng
- Chị Phún Thị Kim A số tiền 3.125.000 đồng
- Anh Trương Khánh T số tiền 4.375.000 đồng
- Bà H' D Niê số tiền 2.500.000 đồng
- Chị Lâm Thị H số tiền 4.725.000 đồng
- Chị H' N Knul số tiền 3.375.000 đồng
- Chị Trần Thị Ngọc D số tiền 3.625.000 đồng
- Bà Trần Thị L số tiền 7.250.000 đồng
- Anh Phạm Minh S số tiền 7.000.000 đồng
- Bà Phan Thị A số tiền 4.250.000 đồng
- Anh Đoàn Quân T số tiền 6.800.000 đồng
- Anh Nguyễn Hoàng Như L số tiền 7.750.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị V số tiền 8.250.000 đồng
- Chị Phạm Thị Ngọc Y số tiền 5.775.000 đồng
- Chị Trần Thị Bích T số tiền 9.900.000 đồng
- Chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 2.933.336 đồng
- Anh Nguyễn Thanh H số tiền 12.000.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị T số tiền 12.750.000 đồng
- Chị Tô Thị Phương T số tiền 9.000.000 đồng
- Anh Lê Văn T số tiền 9.000.000 đồng
- Chị Lê Thị T số tiền 8.750.000 đồng

- Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.866.668 đồng
- Bà Ngô Thị Thu T số tiền 9.333.334 đồng
- Bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 17.500.000 đồng
- Bà Huỳnh Ngọc H số tiền 4.375.000 đồng
- Anh Phạm Nguyễn Ngọc S số tiền 4.375.000 đồng
- Ông Nguyễn Đức P số tiền 9.333.333 đồng.

Về phần dân sự của vụ án:

- Buộc bị cáo Lê Mạnh C trả lại số tiền **64.229.028** đồng đã thu lợi bất chính cho những người vay tiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Trả cho bà Trần Thị Ngọc A số tiền 779.118 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 356.168 đồng
- Trả cho bà Quách Thị Y số tiền 997.270 đồng
- Trả cho chị Lê Thị P số tiền 1.656.181 đồng
- Trả cho bà Phạm Thị Ngọc A số tiền 801.378 đồng
- Trả cho anh Trần Nhật L số tiền 122.378 đồng
- Trả cho bà Phạm Thị Thu S số tiền 3.917.848 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị Kim V số tiền 507.539 đồng
- Trả cho chị Nguyễn Thị Minh L số tiền 111.303 đồng
- Trả cho bà Xa Thị S số tiền là 3.031.880 đồng
- Trả cho bà Lã Thị Ái K số tiền 921.585 đồng
- Trả cho ông Cao Thanh P số tiền 6.366.503 đồng
- Trả cho bà Đinh Thị Đ số tiền 712.336 đồng
- Trả cho chị Lương Thị Bích V số tiền 465.722 đồng
- Trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền 903.776 đồng
- Trả cho chị Nguyễn Thị Kim P số tiền 872.612 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Nhật N số tiền 801.379 đồng
- Trả cho chị Nguyễn Lệ H số tiền 1.202.067 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 44.521 đồng
- Trả cho chị Đinh Thị Thanh T số tiền 667.815 đồng

- Trả cho chị Đinh Thị Mai L số tiền 623.294 đồng
- Trả cho ông Nguyễn Quang V số tiền 809.597 đồng
- Trả cho anh Dương Văn H số tiền 1.202.067 đồng
- Trả cho chị Phạm Thị Thu N số tiền 511.992 đồng
- Trả cho bà Trần Thị T số tiền 694.528 đồng
- Trả cho anh Lý Thanh V số tiền 489.731 đồng
- Trả cho chị H' T Ê Ban số tiền 2.137.080 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 934.941 đồng
- Trả cho chị Phạm Thị Thanh T số tiền 356.168 đồng
- Trả cho bà Vũ Thị H số tiền 801.379 đồng
- Trả cho chị Lê Thị Kim P số tiền 867.819 đồng
- Trả cho chị Hà Thị Thu H số tiền 611.880 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Phi L số tiền 890.420 đồng
- Trả cho bà Trần Thị H số tiền 2.047.966 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị Thu C số tiền 1.602.756 đồng
- Trả cho bà Lương Thị H số tiền 776.145 đồng
- Trả cho bà Thái Thị Thu H số tiền 1.424.672 đồng
- Trả cho bà Hoàng Thúy N số tiền 1.291.109 đồng
- Trả cho chị Lê Vũ Thùy T số tiền 1.807.537 đồng
- Trả cho anh Vương Trần Nhã T số tiền 1.291.109 đồng
- Trả cho anh Trần Đông H số tiền 520.090 đồng
- Trả cho chị Phạm Thị Ngọc G số tiền 333.908 đồng
- Trả cho anh Huỳnh Minh T số tiền 1.001.723 đồng
- Trả cho bà Đặng Thị N số tiền 3.602.045 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Trung H số tiền 267.126 đồng
- Trả cho anh Lê Văn M số tiền 333.908 đồng
- Trả cho bà Dương Thị T số tiền 673.058 đồng
- Trả cho anh Nguyễn T số tiền 311.647 đồng
- Trả cho chị Phún Thị Kim A số tiền 333.908 đồng

- Trả cho anh Trương Khánh T số tiền 1.892.143 đồng
- Trả cho bà H' D Niê số tiền 445.210 đồng
- Trả cho chị Lâm Thị H số tiền 405.141 đồng
- Trả cho chị H' N Knul số tiền 289.387 đồng
- Trả cho chị Trần Thị Ngọc D số tiền 244.866 đồng
- Trả cho bà Trần Thị L số tiền 489.731 đồng
- Trả cho anh Phạm Minh S số tiền 534.252 đồng
- Trả cho bà Phan Thị A số tiền 133.563 đồng
- Trả cho anh Đoàn Quân T số tiền 213.701 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Hoàng Như L số tiền 400.689 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 311.647 đồng
- Trả cho chị Phạm Thị Ngọc Y số tiền 218.153 đồng
- Trả cho chị Trần Thị Bích T số tiền 373.976 đồng
- Trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 195.803 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 534.252 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 400.689 đồng
- Trả cho chị Tô Thị Phương T số tiền 178.084 đồng
- Trả cho anh Lê Văn T số tiền 2.019.194 đồng
- Trả cho chị Lê Thị T số tiền 222.605 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 24.474 đồng
- Trả cho bà Ngô Thị Thu T số tiền 122.376 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 445.210 đồng
- Trả cho bà Huỳnh Ngọc H số tiền 111.303 đồng
- Trả cho anh Phạm Nguyễn Ngọc S số tiền 111.303 đồng
- Trả cho ông Nguyễn Đức P số tiền 122.376 đồng

[7.2] Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ những vật chứng cần xử lý như sau:

Đối với 87 tờ Giấy vay tiền mặt có chữ ký của người vay tiền và 87 tờ Giấy thu tiền ghi thông tin của người vay tiền; 01 cuốn sổ bên ngoài bìa ghi chữ Sổ thu

chi bên trong có 29 trang ghi số và chữ có nội dung về chi tiêu tiền, 01 cuốn sổ bên ngoài bìa ghi chữ Sổ chính bên trong có 05 trang ghi số và chữ liên quan đến hoạt động cho vay tiền lãi nặng của bị cáo Lê Mạnh Cường cùng đồng bọn, 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 02 tờ giấy liên quan đến hoạt động cho vay tiền và hợp đồng thuê nhà cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án để đảm bảo công tác xét xử.

Đối với các giấy tờ, tài liệu, gồm:

- 01 sổ Hộ khẩu số L-615 mang tên Phạm Thị T.
- 01 Thẻ hội viên số 02753 mang tên Nguyễn Thị T.
- 01 Hộ chiếu số B7304925 mang tên Quách Thị Y.
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 048158 mang tên Lê Thị P và 01 sổ Hộ khẩu.
- 01 sổ Hộ khẩu số D-3552 chủ hộ là Đồng Văn N.
- 01 Chứng minh nhân dân số 241058528 mang tên Trần Nhật L.
- 01 sổ Hộ khẩu số D-7415, tên chủ hộ là Phạm Thị Thu S.
- 01 Chứng minh nhân dân số 240385558 mang tên Nguyễn Thị Kim V.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 005352 mang tên Phạm Thị O.
- 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 059544 mang tên Xa Thị S và 01 Chứng minh nhân dân số 241127481 mang tên Xa Thị S.
- 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên người mua Lã Thị Ái K, 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40A8017106, 01 Giấy khai sinh số 384 mang tên Nguyễn Hoàng T.
- 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 002290 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch đầu tư cấp.
- 01 Chứng minh nhân dân số 241210809 mang tên Lương Thị Bích V.
- 01 sổ Hộ khẩu số D-2015 chủ hộ là Hà Xuân H.
- 01 Giấy phép lái xe số AE 388983 mang tên Nguyễn Nhật N.
- 01 Giấy khai sinh số 315/2015 mang tên Đỗ Nguyễn Mỹ D, 01 sổ Hộ khẩu bản sao y số I-1999 chủ hộ Đỗ Công T và 01 Đăng ký xe mô tô, xe máy số A0069687 mang tên Đỗ Tiên V.
- 01 Giấy khai sinh số 304/2017 mang tên Nguyễn Thị Kim N.

- 01 sổ Hộ khẩu số M-1508 do Đinh Công Q làm chủ hộ và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241109334 mang tên Quách Thị T.
- 01 sổ Hộ khẩu số M-5694, chủ hộ là Đinh Thị Mai L; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240569611 mang tên Đinh Thị Mai L và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy mang tên Đinh Thị Mai L.
- 01 Chứng minh nhân dân số 24015391 mang tên Nguyễn Quang V.
- 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 047629.
- 01 sổ Hộ khẩu số T2132 chủ hộ Nguyễn Thị H và 01 Giấy phép lái xe số AR131485 mang tên Phạm Thị Thu N.
- 01 sổ Hộ khẩu số D477, tên chủ hộ là Trần Thị T và 01 Chứng minh nhân dân số 240227279 mang tên Trần Thị T.
- 01 Giấy phép lái xe số 660146020197, 01 Chứng minh nhân dân số 261084210, 01 Thẻ đoàn viên số V127916 tất cả đều mang tên Lý Thanh V và 01 Giấy khai sinh số 30/2013 mang tên Lý Uyển N.
- 01 Chứng minh nhân dân phổ thông số 240796964 mang tên H T Êban và 01 Giấy khai sinh bản chính số 216 mang tên Lê Đức T ÊBan.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 026278 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/6/2010.
- 01 Chứng minh nhân dân số 240765181 mang tên Nguyễn Đăng T.
- 01 Giấy khai sinh số 718/2019 mang tên Hồ Hoàng A.
- 01 sổ Hộ khẩu số K-3551, chủ hộ tên là Lê Văn L và 01 Giấy khai sinh số 136 mang tên Trần Nhã K.
- 01 Giấy khai sinh số 174/2015 của Nguyễn Hà Hoài N; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 014620; 01 Giấy phép lái xe số Z656628 và 01 Chứng minh nhân dân bản phổ thông số 211676629 mang tên Hà Thị Thu H.
- 01 sổ Hộ khẩu bản sao y số 160500622, tên chủ hộ là Nguyễn Phi L.
- 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số A0104029; A0083763 đều mang tên Trần Thị H.
- 01 Hộ chiếu số B6303615 mang tên Nguyễn Thị Thu C.
- 01 Chứng minh nhân dân số 2418827 mang tên Lê Thị Hoàng M; 01 sổ hộ khẩu phổ thông số B-3671, tên chủ hộ là Lương Thị H; 01 Chứng minh nhân dân phổ

tô số 240018161 mang tên Lương Thị H và 01 chứng minh nhân dân phô tô số 2400756842 mang tên Lê Văn N.

- 01 Giấy báo tiền nước.
- 01 Chứng minh nhân dân số 240579180 mang tên Hoàng Thúy N.
- 01 Giấy đăng ký khai sinh bản gốc số 266 mang tên Bùi Lê Cát T.
- 01 Giấy phép lái xe số 661037815601 mang tên Vương Trần Nhã T.
- 01 sổ Hộ khẩu số T-5293, chủ hộ là Trần Đông H.
- 01 sổ Hộ khẩu số T730, chủ hộ là Nguyễn Thị T.
- 01 sổ Hộ khẩu số B-3009, chủ hộ là Huỳnh Minh T và 01 Chứng minh nhân dân photo số 240624524 mang tên Huỳnh Minh T.
- 01 Phiếu thu tiền điện và 01 Giấy báo cước dịch vụ viễn thông số 11420876.
- 01 sổ Hộ khẩu số D6054, chủ hộ là Nguyễn Thị Y; 01 Giấy chứng nhận; 01 Giấy khai sinh số 175 mang tên Nguyễn Minh T; 01 Đơn xin việc làm; 01 Sơ yếu lý lịch, 01 Chứng minh nhân dân bản phô tô số 241180203 và 01 Giấy phép lái xe bản phô tô số 660197008313.
- 01 sổ Hộ khẩu số B-2122, chủ hộ là Dương Thị T.
- 01 Giấy đăng ký mô tô xe máy số 047636 mang tên Nguyễn Tuấn V.
- 01 Chứng minh nhân dân số 241034616 mang tên Phún Thị Kim A và 01 Giấy khai sinh số 350/2017 mang tên Cao Khánh T.
- 01 sổ Hộ khẩu số V-4319 chủ hộ tên Trương Khánh T.
- 01 Giấy khai sinh số 11/2014 mang tên Lâm Thị H; 01 Giấy khai sinh số 206 mang tên Nguyễn Hoàng A.
- 01 Chứng minh nhân dân mang tên H' N Knul và 01 sổ Hộ khẩu chủ hộ H' L Knul.
- 01 Giấy khai sinh số 579/2019 mang tên Nguyễn Thị Thùy T.
- 01 sổ Hộ khẩu số D-6281, chủ hộ là Phạm Minh S và 01 Chứng minh nhân dân số 240854488 mang tên Phạm Minh S.
- 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010790 chủ xe Phạm Thị A.
- 01 Giấy xác nhận nhân thân.
- 01 Giấy phép lái xe số E706775 mang tên Nguyễn Hoàng Như L.

- 01 Chứng minh nhân dân số 241421090; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 067149 tất cả đều mang tên Trương Hữu C và 01 Giấy khai sinh bản chính số 342 mang tên Nguyễn Ngọc Khánh A.

- 01 Giấy khai sinh số 97 mang tên Trần Ngọc Gia H.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028697 và 01 Giấy phép lái xe số 661087002419.

- 01 Chứng minh nhân dân số 241484019 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H.

- 01 Giấy chứng nhận đại biểu hội đồng nhân dân; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240237393 tất cả đều mang tên Nguyễn Thanh H; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 061482 mang tên Phạm Ngọc H, 01 sổ Hộ khẩu phố bản sao y số L-1134 chủ hộ Hoàng Thị Bảo H.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241682594; 01 Thẻ bảo hiểm y tế mã số GD 4 66 662 251 7444 tất cả đều mang tên Tô Thị Phương T; 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2019 do Ủy ban nhân dân phường E cấp ngày 06/8/2019.

- 01 Giấy phép lái xe số 660107810113 và 01 Chứng minh nhân dân số 241154820 tất cả đều mang tên Lê Văn T.

- 01 sổ Hộ khẩu số L-7092, chủ hộ là Lê Minh H và 01 Chứng minh nhân dân số 240647591 mang tên Lê Thị T.

- 01 Chứng minh nhân dân số 241583534 mang tên Võ Thị Bích T; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy 021043 mang tên Hàn Thị B; 01 Giấy khai sinh số 73/2018 mang tên Châu Gia H và 01 giấy bán xe ngày 02/01/2019.

- 01 Chứng minh nhân dân số 240553205 mang tên Phạm Vũ Đ.

Đây là các giấy tờ, tài liệu bị cáo Lê Mạnh C thu giữ của những người vay tiền lãi nặng, do vậy sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cần trả lại cho những chủ sở hữu hợp pháp nhận sử dụng.

- Đối với 04 cuốn sổ có các kích thước khác nhau, 01 chứng minh nhân dân, 02 thẻ ATM ngân hàng là các tài sản của bị cáo Lê Mạnh C, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo C, là phù hợp.

- Đối với xe mô tô biển số 48D1-261.85, và xe mô tô biển số 47L1-244.96 được các bị cáo Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn D và Đỗ Văn S sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 48D1-261.85 là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn L (sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông) đã cho bị cáo C

mượn sử dụng làm phương tiện đi lại vào tháng 08/2019; xe mô tô biển số 47L1-244.96 là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Hải N (sinh năm 1991, trú tại thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) đã cho bị cáo C mượn sử dụng làm phương tiện đi lại vào tháng 03/2019. Sau khi mượn xe, C cùng đồng bọn sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, anh L và anh N không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, đồng thời ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 02 chiếc xe mô tô cho anh L và anh N để tiếp tục quản lý, sử dụng, là phù hợp.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA 1034 màu đen, có gắn sim 0931187366, số seri 1: 355812098584641, số seri 2: 3555813098584649, là công cụ mà các bị cáo Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn S và Đỗ Văn D sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bà Trương Thị Hồng L (sinh năm 1969, trú tại: 02H Ama Q, phường T, thành phố B) là người cho bị cáo Lê Mạnh C thuê nhà số 130 đường Hùng V, phường T, thành phố B để ở. Do bà L không biết C sử dụng nhà số 130 đường Hùng V làm địa điểm phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người nam thanh niên tên T và D1 được bị cáo Lê Mạnh C thuê để giúp C tiến hành hoạt động cho vay tiền lãi suất cao. Do chưa xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Trong vụ án trên, sau khi biết bị Cơ quan Công an phát hiện hành vi cho vay lãi nặng thì bị cáo Phạm Xuân Q mang các giấy tờ của người vay qua số nhà 132 đường Hùng V, phường T, thành phố B nhờ chị Nguyễn Thị L mang để giúp ở phòng trọ số 12 của Q. Sau đó, chị L mang các giấy tờ trên bỏ ở phòng trọ của anh Nông Phúc T. Do chị L và anh Nông Phúc T không biết các đồ vật, tài liệu, giấy tờ trên liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý đối với chị Nguyễn Thị L và anh Nông Phúc T, là phù hợp.

Ngoài ra, trong vụ án này, từ tháng 01/2019 đến tháng 02/2019, bị cáo Lê Mạnh C cùng đồng bọn đã cho một số người vay tiền lãi suất nặng nhưng do C và đồng bọn không nhớ được những thông tin của những người đã vay; Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo tìm những người vay nhưng không xác định được nên tách ra khỏi vụ án để làm rõ, xử lý sau.

[8] Các bị cáo Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn D và Đỗ Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Lê Mạnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ khoản 2, 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố các bị cáo Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn D và Đỗ Văn S phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

I. Xử phạt:

1. Bị cáo Lê Mạnh C 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Công an quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng ấn định thời gian người chấp hành có mặt tại Ủy ban nhân dân phường D, quận L, thành phố Hải Phòng. Khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 500.000đ/tháng (9.000.000đ/18tháng) để sung công quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Lê Mạnh C cho Ủy ban nhân dân phường D, quận L, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Lê Mạnh C 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

2. Bị cáo Phạm Xuân Q 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Công an quận Dương Kinh, Tp. Hải Phòng ấn định thời gian người chấp hành có mặt tại Ủy ban nhân dân phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 300.000đ/tháng (3.600.000đồng/12tháng) để sung công quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Phạm Xuân Q cho Ủy ban nhân dân phường A, quận D, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Phạm Xuân Q 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

3. Bị cáo Đỗ Văn D 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Công an quận

Dương Kinh, Tp. Hải Phòng ấn định thời gian người chấp hành có mặt tại Ủy ban nhân dân phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 300.000đ/tháng (3.600.000đồng/12tháng) để sung công quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Đỗ Văn D cho Ủy ban nhân dân phường A, quận D, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Đỗ Văn D 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

4. Bị cáo Đỗ Văn S 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Công an quận Dương Kinh, Tp. Hải Phòng ấn định thời gian người chấp hành có mặt tại Ủy ban nhân dân phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 300.000đ/tháng (3.600.000đồng/12tháng) để sung công quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Đỗ Văn S cho Ủy ban nhân dân phường A, quận D, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Đỗ Văn S 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

II. Các biện pháp tư pháp và vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại 01 xe mô tô biển số 48D1-261.85 cho anh Nguyễn Văn L và 01 xe mô tô biển số 47L1-244.96 cho anh Phạm Hải N, là các chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA 1034 màu đen, có gắn sim 0931187366, số seri 1: 355812098584641, số seri 2: 3555813098584649, là công cụ mà các bị cáo Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn S và Đỗ Văn D sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án các tài liệu gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 02 tờ giấy liên quan đến hoạt động cho vay tiền và hợp đồng thuê nhà; 87 tờ Giấy vay tiền mặt có chữ ký của người vay tiền và 87 tờ Giấy thu tiền ghi thông tin của người vay tiền; 01 cuốn sổ bên ngoài bìa ghi chữ Sổ thu chi bên trong có 29 trang ghi số và chữ có nội dung về chi tiêu tiền, 01 cuốn sổ bên ngoài bìa ghi chữ Sổ chính bên trong có 05 trang ghi số và chữ liên quan đến hoạt động cho vay tiền lãi nặng của bị can Lê Mạnh C cùng đồng bọn.

- Chấp nhận Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo C 04 cuốn sổ có các kích thước khác nhau, 01 chứng minh nhân dân, 02 thẻ ATM ngân hàng là các tài sản của bị cáo Lê Mạnh C, không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Lê Mạnh C, số tiền **435.920.000** đồng (tiền gốc do người vay đã trả) và số tiền **7.191.000** đồng tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%);

*** Trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp nhận sử dụng các tài liệu, gồm:**

- Trả cho chị Trần Thị Ngọc A 01 sổ Hộ khẩu số L-615 mang tên Phạm Thị T.

- Trả cho bà Nguyễn Thị T 01 Thẻ hội viên số 02753 mang tên Nguyễn Thị T.

- Trả cho bà Quách Thị Y 01 Hộ chiếu số B7304925 mang tên Quách Thị Y.

- Trả cho chị Lê Thị P 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 048158 mang tên Lê Thị P và 01 sổ Hộ khẩu.

- Trả cho bà Phạm Thị Ngọc A 01 sổ Hộ khẩu số D-3552 chủ hộ là Đồng Văn N.

- Trả cho anh Trần Nhật L 01 Chứng minh nhân dân số 241058528 mang tên Trần Nhật L.

- Trả cho bà Phạm Thị Thu S 01 sổ Hộ khẩu số D-7415, tên chủ hộ là Phạm Thị Thu S.

- Trả cho bà Nguyễn Thị Kim V 01 Chứng minh nhân dân số 240385558 mang tên Nguyễn Thị Kim V.

- Trả cho bà Nguyễn Thị Minh L 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 005352 mang tên Phạm Thị O.

- Trả cho bà Xa Thị S 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 059544 mang tên Xa Thị S và 01 Chứng minh nhân dân số 241127481 mang tên Xa Thị SSim.

- Trả cho bà Lã Thị Ái K 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên người mua Lã Thị Ái K, 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40A8017106, 01 Giấy khai sinh số 384 mang tên Nguyễn Hoàng T.

- Trả cho ông Cao Thanh P 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 002290 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch đầu tư cấp.

- Trả cho chị Lương Thị Bích V 01 Chứng minh nhân dân số 241210809 mang tên Lương Thị Bích V.

- Trả cho bà Trần Thị Kim H 01 sổ Hộ khẩu số D-2015 chủ hộ là Hà Xuân H.
- Trả cho anh Nguyễn Nhật N 01 Giấy phép lái xe số AE 388983 mang tên Nguyễn Nhật N.
- Trả cho bà Nguyễn Lệ H 01 Giấy khai sinh số 315/2015 mang tên Đỗ Nguyễn Mỹ D, 01 sổ Hộ khẩu bản sao y số I-1999 chủ hộ Đỗ Công T và 01 Đăng ký xe mô tô, xe máy số A0069687 mang tên Đỗ Tiến V.
- Trả cho anh Nguyễn Văn T 01 Giấy khai sinh số 304/2017 mang tên Nguyễn Thị Kim N.
- Trả cho chị Đinh Thị Thanh T 01 sổ Hộ khẩu số M-1508 do Đinh Công Q làm chủ hộ và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241109334 mang tên Quách Thị T.
- Trả cho chị Đinh Thị Mai L 01 sổ Hộ khẩu số M-5694, chủ hộ là Đinh Thị Mai L; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240569611 mang tên Đinh Thị Mai L và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy mang tên Đinh Thị Mai L.
- Trả cho ông Nguyễn Quang V 01 Chứng minh nhân dân số 24015391 mang tên Nguyễn Quang V.
- Trả cho anh Dương Văn H 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 047629.
- Trả cho chị Phạm Thị Thu N 01 sổ Hộ khẩu số T2132 chủ hộ Nguyễn Thị H và 01 Giấy phép lái xe số AR131485 mang tên Phạm Thị Thu N.
- Trả cho bà Trần Thị T 01 sổ Hộ khẩu số D477, tên chủ hộ là Trần Thị T và 01 Chứng minh nhân dân số 240227279 mang tên Trần Thị T.
- Trả cho anh Lý Thanh V 01 Giấy phép lái xe số 660146020197, 01 Chứng minh nhân dân số 261084210, 01 Thẻ đoàn viên số V127916 tất cả đều mang tên Lý Thanh V và 01 Giấy khai sinh số 30/2013 mang tên Lý Uyển N.
- Trả cho chị H' T Êban 01 Chứng minh nhân dân pho tô số 240796964 mang tên H T Êban và 01 Giấy khai sinh bản chính số 216 mang tên Lê Đức T ÊBan.
- Trả cho chị Nguyễn Thị Hồng T 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 026278 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/6/2010.
- Trả cho chị Phạm Thị Thanh T 01 Chứng minh nhân dân số 240765181 mang tên Nguyễn Đăng T.

- Trả cho bà Vũ Thị H 01 Giấy khai sinh số 718/2019 mang tên Hồ Hoàng A.
- Trả cho chị Lê Thị Kim P 01 sổ Hộ khẩu số K-3551, chủ hộ tên là Lê Văn L và 01 Giấy khai sinh số 136 mang tên Trần Nhã K.
- Trả cho bà Hà Thị Thu H 01 Giấy khai sinh số 174/2015 của Nguyễn Hà Hoài N; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 014620; 01 Giấy phép lái xe số Z656628 và 01 Chứng minh nhân dân bản photo số 211676629 mang tên Hà Thị Thu H.
- Trả cho ông Nguyễn Phi L 01 sổ Hộ khẩu bản sao y số 160500622, tên chủ hộ là Nguyễn Phi L.
- Trả cho bà Trần Thị H 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số A0104029; A0083763 đều mang tên Trần Thị H.
- Trả cho bà Nguyễn Thị Thu C 01 Hộ chiếu số B6303615 mang tên Nguyễn Thị Thu C.
- Trả cho bà Lương Thị H 01 Chứng minh nhân dân số 2418827 mang tên Lê Thị Hoàng M; 01 sổ hộ khẩu photo số B-3671, tên chủ hộ là Lương Thị H; 01 Chứng minh nhân dân photo số 240018161 mang tên Lương Thị H và 01 chứng minh nhân dân photo số 2400756842 mang tên Lê Văn N.
- Trả cho bà Thái Thị Thu H 01 Giấy báo tiền nước.
- Trả cho bà Hoàng Thúy N 01 Chứng minh nhân dân số 240579180 mang tên Hoàng Thúy N.
- Trả cho chị Lê Vũ Thùy T 01 Giấy đăng ký khai sinh bản gốc số 266 mang tên Bùi Lê Cát T.
- Trả cho anh Vương Trần Nhã T 01 Giấy phép lái xe số 661037815601 mang tên Vương Trần Nhã T.
- Trả cho anh Trần Đông H 01 sổ Hộ khẩu số T-5293, chủ hộ là Trần Đông H.
- Trả cho bà Phạm Thị Ngọc G 01 sổ Hộ khẩu số T730, chủ hộ là Nguyễn Thị T.
- Trả cho anh Huỳnh Minh T 01 sổ Hộ khẩu số B-3009, chủ hộ là Huỳnh Minh T và 01 Chứng minh nhân dân photo số 240624524 mang tên Huỳnh Minh T.

- Trả cho bà Đặng Thị N 01 Phiếu thu tiền điện và 01 Giấy báo cước dịch vụ viễn thông số 11420876.

- Trả cho anh Nguyễn Trung H 01 sổ Hộ khẩu số D6054, chủ hộ là Nguyễn Thị Y; 01 Giấy chứng nhận; 01 Giấy khai sinh số 175 mang tên Nguyễn Minh T; 01 Đơn xin việc làm; 01 Sơ yếu lý lịch, 01 Chứng minh nhân dân bản photo số 241180203 và 01 Giấy phép lái xe bản photo số 660197008313.

- Trả cho bà Dương Thị T 01 sổ Hộ khẩu số B-2122, chủ hộ là Dương Thị T.

- Trả cho anh Nguyễn T 01 Giấy đăng ký mô tô xe máy số 047636 mang tên Nguyễn Tuấn V.

- Trả cho chị Phún Thị Kim A 01 Chứng minh nhân dân số 241034616 mang tên Phún Thị Kim A và 01 Giấy khai sinh số 350/2017 mang tên Cao Khánh T.

- Trả cho ông Trương Khánh T 01 sổ Hộ khẩu số V-4319 chủ hộ tên Trương Khánh T.

- Trả cho chị Lâm Thị H 01 Giấy khai sinh số 11/2014 mang tên Lâm Thị H; 01 Giấy khai sinh số 206 mang tên Nguyễn Hoàng A.

- Trả cho chị H' N Knul 01 Chứng minh nhân dân mang tên H' N Knul và 01 sổ Hộ khẩu chủ hộ H' L Knul.

- Trả cho bà Trần Thị L 01 Giấy khai sinh số 579/2019 mang tên Nguyễn Thị Thùy T.

- Trả cho ông Phạm Minh S 01 sổ Hộ khẩu số D-6281, chủ hộ là Phạm Minh S và 01 Chứng minh nhân dân số 240854488 mang tên Phạm Minh S.

- Trả cho bà Phan Thị A 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010790 chủ xe Phan Thị A.

- Trả cho anh Đoàn Quân T 01 Giấy xác nhận nhân thân.

- Trả cho anh Nguyễn Hoàng Như L 01 Giấy phép lái xe số E706775 mang tên Nguyễn Hoàng Như L.

- Trả cho bà Nguyễn Thị V 01 Chứng minh nhân dân số 241421090; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 067149 tất cả đều mang tên Trương Hữu C và 01 Giấy khai sinh bản chính số 342 mang tên Nguyễn Ngọc Khánh A.

- Trả cho chị Phạm Thị Ngọc Y 01 Giấy khai sinh số 97 mang tên Trần Ngọc Gia H.

- Trả cho chị Trần Thị Bích T 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028697 và 01 Giấy phép lái xe số 661087002419.

- Trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H 01 Chứng minh nhân dân số 241484019 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H.

- Trả cho ông Nguyễn Thanh H 01 Giấy chứng nhận đại biểu hội đồng nhân dân; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240237393 tất cả đều mang tên Nguyễn Thanh H; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 061482 mang tên Phạm Ngọc H, 01 sổ Hộ khẩu phổ thông bản sao y số L-1134 chủ hộ Hoàng Thị Bảo H.

- Trả cho chị Tô Thị Phương T 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241682594; 01 Thẻ bảo hiểm y tế mã số GD 4 66 662 251 7444 tất cả đều mang tên Tô Thị Phương T; 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2019 do Ủy ban nhân dân phường E cấp ngày 06/8/2019.

- Trả cho anh Lê Văn T 01 Giấy phép lái xe số 660107810113 và 01 Chứng minh nhân dân số 241154820 tất cả đều mang tên Lê Văn T.

- Trả cho bà Lê Thị T 01 sổ Hộ khẩu số L-7092, chủ hộ là Lê Minh H và 01 Chứng minh nhân dân số 240647591 mang tên Lê Thị T.

- Trả cho bà Ngô Thị Thu T 01 Chứng minh nhân dân số 241583534 mang tên Võ Thị Bích T; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy 021043 mang tên Hàn Thị B; 01 Giấy khai sinh số 73/2018 mang tên Châu Gia H và 01 giấy bán xe ngày 02/01/2019.

- Trả cho anh Phạm Nguyễn Ngọc S 01 Chứng minh nhân dân số 240553205 mang tên Phạm Vũ Đ.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lê Mạnh C trả lại số tiền **64.229.028** đồng đã thu lợi bất chính cho những người vay tiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Trả cho bà Trần Thị Ngọc A số tiền 779.118 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 356.168 đồng
- Trả cho bà Quách Thị Y số tiền 997.270 đồng
- Trả cho chị Lê Thị P số tiền 1.656.181 đồng
- Trả cho bà Phạm Thị Ngọc A số tiền 801.378 đồng
- Trả cho anh Trần Nhật L số tiền 122.378 đồng
- Trả cho bà Phạm Thị Thu S số tiền 3.917.848 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị Kim V số tiền 507.539 đồng
- Trả cho chị Nguyễn Thị Minh L số tiền 111.303 đồng

- Trả cho bà Xa Thị S số tiền là 3.031.880 đồng
- Trả cho bà Lã Thị Ái K số tiền 921.585 đồng
- Trả cho ông Cao Thanh P số tiền 6.366.503 đồng
- Trả cho bà Đinh Thị Đ số tiền 712.336 đồng
- Trả cho chị Lương Thị Bích V số tiền 465.722 đồng
- Trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền 903.776 đồng
- Trả cho chị Nguyễn Thị Kim P số tiền 872.612 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Nhật N số tiền 801.379 đồng
- Trả cho chị Nguyễn Lệ H số tiền 1.202.067 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 44.521 đồng
- Trả cho chị Đinh Thị Thanh T số tiền 667.815 đồng
- Trả cho chị Đinh Thị Mai L số tiền 623.294 đồng
- Trả cho ông Nguyễn Quang V số tiền 809.597 đồng
- Trả cho anh Dương Văn H số tiền 1.202.067 đồng
- Trả cho chị Phạm Thị Thu N số tiền 511.992 đồng
- Trả cho bà Trần Thị T số tiền 694.528 đồng
- Trả cho anh Lý Thanh V số tiền 489.731 đồng
- Trả cho chị H' T Ê Ban số tiền 2.137.080 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 934.941 đồng
- Trả cho chị Phạm Thị Thanh T số tiền 356.168 đồng
- Trả cho bà Vũ Thị H số tiền 801.379 đồng
- Trả cho chị Lê Thị Kim P số tiền 867.819 đồng
- Trả cho chị Hà Thị Thu H số tiền 611.880 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Phi L số tiền 890.420 đồng
- Trả cho bà Trần Thị H số tiền 2.047.966 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị Thu C số tiền 1.602.756 đồng
- Trả cho bà Lương Thị H số tiền 776.145 đồng
- Trả cho bà Thái Thị Thu H số tiền 1.424.672 đồng
- Trả cho bà Hoàng Thúy N số tiền 1.291.109 đồng

- Trả cho chị Lê Vũ Thùy T số tiền 1.807.537 đồng
- Trả cho anh Vương Trần Nhã T số tiền 1.291.109 đồng
- Trả cho anh Trần Đông H số tiền 520.090 đồng
- Trả cho chị Phạm Thị Ngọc G số tiền 333.908 đồng
- Trả cho anh Huỳnh Minh T số tiền 1.001.723 đồng
- Trả cho bà Đặng Thị N số tiền 3.602.045 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Trung H số tiền 267.126 đồng
- Trả cho anh Lê Văn M số tiền 333.908 đồng
- Trả cho bà Dương Thị T số tiền 673.058 đồng
- Trả cho anh Nguyễn T số tiền 311.647 đồng
- Trả cho chị Phún Thị Kim A số tiền 333.908 đồng
- Trả cho anh Trương Khánh T số tiền 1.892.143 đồng
- Trả cho bà H' D Niê số tiền 445.210 đồng
- Trả cho chị Lâm Thị H số tiền 405.141 đồng
- Trả cho chị H' N Knul số tiền 289.387 đồng
- Trả cho chị Trần Thị Ngọc D số tiền 244.866 đồng
- Trả cho bà Trần Thị L số tiền 489.731 đồng
- Trả cho anh Phạm Minh S số tiền 534.252 đồng
- Trả cho bà Phan Thị A số tiền 133.563 đồng
- Trả cho anh Đoàn Quân T số tiền 213.701 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Hoàng Như L số tiền 400.689 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 311.647 đồng
- Trả cho chị Phạm Thị Ngọc Y số tiền 218.153 đồng
- Trả cho chị Trần Thị Bích T số tiền 373.976 đồng
- Trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 195.803 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 534.252 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 400.689 đồng
- Trả cho chị Tô Thị Phương T số tiền 178.084 đồng
- Trả cho anh Lê Văn T số tiền 2.019.194 đồng

- Trả cho chị Lê Thị T số tiền 222.605 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 24.474 đồng
- Trả cho bà Ngô Thị Thu T số tiền 122.376 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 445.210 đồng
- Trả cho bà Huỳnh Ngọc H số tiền 111.303 đồng
- Trả cho anh Phạm Nguyễn Ngọc S số tiền 111.303 đồng
- Trả cho ông Nguyễn Đức P số tiền 122.376 đồng

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền **411.080.000** đồng nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo Lê Mạnh C để nộp sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Bà Trần Thị Ngọc A số tiền 625.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị T số tiền 2.000.000 đồng
- Bà Quách Thị Y số tiền 1.400.000 đồng
- Chị Lê Thị Phượng số tiền 2.700.000 đồng
- Bà Phạm Thị Ngọc A số tiền 1.500.000 đồng
- Anh Trần Nhật L tổng số tiền cả 02 lần vay là 4.333.667 đồng
- Bà Phạm Thị Thu S tổng số tiền 02 lần vay là 3.000.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị Kim V số tiền 3.150.000 đồng
- Chị Nguyễn Thị Minh L số tiền 4.375.000 đồng
- Bà Xa Thị S tổng số tiền là 975.000 đồng
- Bà Lã Thị Ái K tổng số tiền 02 lần vay là 6.825.000 đồng
- Ông Cao Thanh P tổng số tiền 02 lần vay là 34.250.000 đồng
- Bà Đinh Thị Đ số tiền 1.000.000 đồng
- Chị Lương Thị Bích V số tiền 416.677 đồng
- Bà Trần Thị Kim H số tiền 1.925.000 đồng
- Chị Nguyễn Thị Kim P số tiền 2.100.000 đồng
- Anh Nguyễn Nhật N tổng số tiền 02 lần vay là 5.500.000 đồng
- Chị Nguyễn Lệ H số tiền 3.250.000 đồng
- Anh Nguyễn Văn T số tiền 4.750.000 đồng

- Chị Đinh Thị Thanh T số tiền 6.250.000 đồng
- Chị Đinh Thị Mai L số tiền 1.500.000 đồng
- Ông Nguyễn Quang V số tiền 3.500.000 đồng
- Anh Dương Văn H số tiền 3.250.000 đồng
- Chị Phạm Thị Thu N số tiền 2.125.000 đồng
- Bà Trần Thị T số tiền 2.100.000 đồng
- Anh Lý Thanh V số tiền 2.250.000 đồng
- Chị H' T Ê Ban số tiền 8.000.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 4.750.000 đồng
- Chị Phạm Thị Thanh T số tiền 3.000.000 đồng
- Bà Vũ Thị H số tiền 5.500.000 đồng
- Chị Lê Thị Kim P số tiền 15.250.000 đồng
- Chị Hà Thị Thu H số tiền 6.666.670 đồng
- Anh Nguyễn Phi L số tiền 5.000.000 đồng
- Bà Trần Thị H số tiền 18.500.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị Thu C số tiền 11.000.000 đồng
- Bà Lương Thị H số tiền 5.708.342 đồng
- Bà Thái Thị Thu H số tiền 12.000.000 đồng
- Bà Hoàng Thúy N số tiền 2.750.000 đồng
- Chị Lê Vũ Thùy T số tiền 3.850.000 đồng
- Anh Vương Trần Nhã T số tiền 2.750.000 đồng
- Anh Trần Đông H số tiền 2.166.678 đồng
- Chị Phạm Thị Ngọc G số tiền 3.125.000 đồng
- Anh Huỳnh Minh T số tiền 9.375.000 đồng
- Bà Đặng Thị N số tiền 57.466.672 đồng
- Anh Nguyễn Trung H số tiền 8.500.000 đồng
- Anh Lê Văn M số tiền 3.125.000 đồng
- Bà Dương Thị T số tiền 6.333.348 đồng
- Anh Nguyễn T số tiền 3.250.000 đồng

- Chị Phún Thị Kim A số tiền 3.125.000 đồng
- Anh Trương Khánh T số tiền 4.375.000 đồng
- Bà H' D Niê số tiền 2.500.000 đồng
- Chị Lâm Thị H số tiền 4.725.000 đồng
- Chị H' N Knul số tiền 3.375.000 đồng
- Chị Trần Thị Ngọc D số tiền 3.625.000 đồng
- Bà Trần Thị L số tiền 7.250.000 đồng
- Anh Phạm Minh S số tiền 7.000.000 đồng
- Bà Phan Thị A số tiền 4.250.000 đồng
- Anh Đoàn Quân T số tiền 6.800.000 đồng
- Anh Nguyễn Hoàng Như L số tiền 7.750.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị V số tiền 8.250.000 đồng
- Chị Phạm Thị Ngọc Y số tiền 5.775.000 đồng
- Chị Trần Thị Bích T số tiền 9.900.000 đồng
- Chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 2.933.336 đồng
- Anh Nguyễn Thanh H số tiền 12.000.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị T số tiền 12.750.000 đồng
- Chị Tô Thị Phương T số tiền 9.000.000 đồng
- Anh Lê Văn T số tiền 9.000.000 đồng
- Chị Lê Thị T số tiền 8.750.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.866.668 đồng
- Bà Ngô Thị Thu T số tiền 9.333.334 đồng
- Bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 17.500.000 đồng
- Bà Huỳnh Ngọc H số tiền 4.375.000 đồng
- Anh Phạm Nguyễn Ngọc S số tiền 4.375.000 đồng
- Ông Nguyễn Đức P số tiền 9.333.333 đồng.

III. Về án phí: Các bị cáo Lê Mạnh C, Phạm Xuân Q, Đỗ Văn S và Đỗ Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Mạnh C phải chịu 3.211.500 đồng (*Ba triệu hai trăm mười một ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

IV. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./

Nơi nhân:

- Vụ GDKT I - TANDTC
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. BMT;
- Bị cáo; NLQ;
- Thi hành án hình sự;
- Lru HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Vũ Văn Tú